

QUY CHẾ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
Ở ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

(ban hành kèm theo Quyết định số 3079 /QĐ-ĐHQGHN ngày 26 tháng 10 năm 2010 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về đào tạo bậc đại học theo hệ thống tín chỉ ở Đại học Quốc gia Hà Nội, bao gồm: cơ chế quản lý và tổ chức đào tạo; chương trình đào tạo; tuyển sinh; tổ chức đào tạo; nghiên cứu khoa học của sinh viên; quyền và nghĩa vụ của giảng viên, cố vấn học tập, sinh viên; kiểm tra, đánh giá kết quả học tập; công nhận tốt nghiệp, kiểm định chất lượng và công khai điều kiện đảm bảo chất lượng.

2. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị đào tạo (các trường đại học thành viên, các khoa và trung tâm trực thuộc có nhiệm vụ thường xuyên về đào tạo đại học), cá nhân tham gia đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 2. Cơ chế quản lý và tổ chức đào tạo

1. Hệ thống tổ chức và quản lý đào tạo đại học gồm hai cấp: cấp Đại học Quốc gia Hà Nội và cấp đơn vị đào tạo.

2. Đại học Quốc gia Hà Nội chỉ đạo và điều hành thống nhất công tác quản lý và tổ chức đào tạo theo cơ chế mở, liên thông, liên kết và hợp tác giữa các đơn vị đào tạo; phát huy lợi thế chuyên môn hóa, phân cấp quản lý theo hướng tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cao cho các đơn vị đào tạo; phối hợp sử dụng hiệu quả các nguồn lực chung (đội ngũ giảng viên, cán bộ nghiên cứu khoa học và cơ sở vật chất - kỹ thuật như giảng đường, phòng thí nghiệm, thư viện, giáo trình, bài giảng, cơ sở giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin...) phục vụ đào tạo trong toàn Đại học Quốc gia Hà Nội.

3. Các đơn vị đào tạo có nhiệm vụ đào tạo các ngành học theo danh mục ngành đào tạo của Nhà nước và thí điểm đào tạo các ngành mới nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước, trong đó các ngành thuộc các lĩnh vực khoa học cơ bản, công nghệ cao, kinh tế - xã hội mũi nhọn và ngoại ngữ đạt chuẩn khu vực và quốc tế.

4. Căn cứ điều kiện đảm bảo chất lượng, yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ và nhu cầu về nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đơn vị đào tạo chủ động hoặc phối hợp với các đơn vị đào tạo khác trong Đại học Quốc gia Hà Nội điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo các ngành học hiện có, xây dựng những ngành học mới, báo cáo Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội xem xét, ban hành chương trình và giao nhiệm vụ tổ chức đào tạo.

Đối với ngành học được tổ chức đào tạo thí điểm, đơn vị đào tạo tổng kết đánh giá kết quả thực hiện sau một khóa đào tạo và báo cáo Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội xem xét đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo chính thức đưa vào danh mục ngành đào tạo của Nhà nước.

5. Các đơn vị đào tạo thực hiện liên thông, liên kết, hợp tác trong việc xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo, đặc biệt là các chương trình đào tạo mới có tính liên ngành cao như chương trình đào tạo ngành kép, bằng kép.

6. Các đơn vị đào tạo chịu trách nhiệm quản lý và tổ chức đào tạo các ngành học, giảng dạy các môn học theo đúng chương trình và quy trình đào tạo do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành; thực hiện đồng hướng dẫn khóa luận, đồ án tốt nghiệp đối với các ngành, chuyên ngành có tính liên ngành; thừa nhận kết quả học tập của sinh viên giữa các đơn vị đào tạo; xây dựng giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo dùng chung.

Phân công giảng dạy các môn học ở Đại học Quốc gia Hà Nội như sau:

a) Các môn học ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung do trường Đại học Ngoại ngữ giảng dạy;

b) Các môn học lý luận chính trị do trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn và trung tâm Đào tạo, Bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị giảng dạy;

c) Các môn học giáo dục quốc phòng - an ninh do trung tâm Giáo dục quốc phòng - an ninh giảng dạy;

d) Các môn học giáo dục thể chất do trung tâm Giáo dục thể chất và thể thao giảng dạy;

e) Các môn học tin học cơ sở do trường Đại học Công nghệ và trường Đại học Khoa học Tự nhiên giảng dạy;

f) Đối với các môn học còn lại của một chương trình đào tạo, đơn vị đào tạo quản lý môn học nào chịu trách nhiệm giảng dạy môn học đó.

7. Sau mỗi học kỳ, các đơn vị đào tạo báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội về tình hình quản lý, tổ chức và kết quả đào tạo trong báo cáo chung của đơn vị.

8. Các đơn vị đào tạo triển khai hợp tác theo mô hình đơn vị đào tạo - cơ sở sử dụng người học sau tốt nghiệp (cơ quan, đơn vị, viện nghiên cứu, trường đại học, trường cao đẳng, doanh nghiệp ...) để nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, gắn đào tạo với nghiên cứu - triển khai sản xuất - kinh doanh đáp ứng yêu cầu xã hội.

Điều 3. Nguyên tắc đảm bảo chất lượng và hiệu quả giáo dục

1. Nội dung đào tạo, phương pháp dạy - học, kiểm tra, đánh giá và phương thức quản lý phải gắn với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng, hiệu quả đáp ứng nhu cầu xã hội và khả năng thu hút các nguồn lực.

2. Trên cơ sở đảm bảo chất lượng, tăng dần quy mô đào tạo đạt chuẩn quốc tế, tài năng, chất lượng cao; giữ quy mô các ngành đào tạo chính quy hiện có; giảm dần một cách hợp lý quy mô đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học; phát triển các chương trình đào tạo mới, độc đáo, có tính liên ngành cao đáp ứng nhu cầu hiện tại và tương lai của xã hội.

3. Ưu tiên đầu tư nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục trước khi mở rộng quy mô đào tạo.

4. Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trên cơ sở nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, nghiên cứu khoa học dựa vào đào tạo.

5. Kiểm định chất lượng giáo dục là yêu cầu thiết yếu trong công tác quản lý và là phương thức xác định mức độ đáp ứng các mục tiêu, chuẩn chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ và các hoạt động khác của Đại học Quốc gia Hà Nội để đề ra những giải pháp phù hợp nhằm đảm bảo, nâng cao chất lượng và hiệu quả các lĩnh vực hoạt động.

Điều 4. Hình thức dạy - học, giờ tín chỉ và tín chỉ

1. Hình thức dạy - học

Có ba hình thức dạy – học:

a) Lên lớp: sinh viên học tập trên lớp thông qua bài giảng, hướng dẫn trực tiếp của giảng viên tại lớp học hoặc qua các lớp học video trực tuyến;

b) Thực hành: sinh viên học tập thông qua thực hành, thực tập, làm thí nghiệm, làm bài tập, thảo luận, đọc và nghiên cứu tài liệu dưới sự trợ giúp trực tiếp của giảng viên;

c) Tự học bắt buộc: sinh viên tự học tập và nghiên cứu tài liệu theo hình thức cá nhân hoặc tổ/nhóm ở nhà, ở thư viện, trong phòng thí nghiệm, ... theo kế hoạch, nhiệm vụ và nội dung do giảng viên giao, được kiểm tra để đánh giá điểm môn học.

2. Tín chỉ là đại lượng xác định khối lượng kiến thức, kỹ năng mà sinh viên tích lũy được từ môn học trong 15 giờ tín chỉ.

3. Giờ tín chỉ là đại lượng đo thời lượng học tập của sinh viên, được phân thành ba loại theo các hình thức dạy - học và được xác định như sau:

a) Một giờ tín chỉ lên lớp bằng 01 tiết lên lớp và 02 tiết tự học;

b) Một giờ tín chỉ thực hành bằng 02 tiết thực hành và 01 tiết tự học;

c) Một giờ tín chỉ tự học bắt buộc bằng 03 tiết tự học bắt buộc nhưng được kiểm tra, đánh giá.

Điều 5. Môn học

1. Môn học là một phần kiến thức tương đối trọn vẹn của một bộ môn khoa học, được thiết kế thuận tiện để người học tích lũy dần toàn bộ kiến thức của một chương trình đào tạo trong quá trình học tập.

Mỗi môn học có khối lượng kiến thức từ 2 đến 5 tín chỉ, được tổ chức giảng dạy trọn vẹn trong một học kỳ.

Mỗi môn học có mã riêng do Đại học Quốc gia Hà Nội quy định.

2. Các loại môn học

a) Môn học bắt buộc là môn học có những nội dung kiến thức chính của chương trình đào tạo. Sinh viên bắt buộc phải hoàn thành môn học này;

b) Môn học tự chọn có điều kiện là môn học có những nội dung kiến thức thể hiện tính đa dạng của chương trình đào tạo. Sinh viên lựa chọn trong số các môn học tự chọn theo quy định của chương trình đào tạo để hoàn thành môn học;

c) Môn học tự chọn tự do là môn học do sinh viên chọn theo nhu cầu cá nhân. Kết quả đánh giá môn học tự chọn tự do không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để xét công nhận tốt nghiệp, nhưng được ghi vào bảng điểm cấp kèm theo bằng tốt nghiệp;

d) Môn học tiên quyết của một môn học là môn học bắt buộc sinh viên phải hoàn thành trước khi học môn học đó;

e) Khóa luận, đề án tốt nghiệp là môn học bắt buộc đối với chương trình đào tạo tài năng, đạt chuẩn quốc tế, chất lượng cao và là môn học tự chọn có điều kiện đối với chương trình đào tạo chuẩn. Khóa luận, đề án tốt nghiệp có khối lượng kiến thức từ 5 đến 10 tín chỉ tùy theo chương trình đào tạo;

f) Thực tập, thực tế (nếu có) là một môn học bắt buộc;

g) Môn học điều kiện là các môn học giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh và kỹ năng mềm. Kết quả đánh giá các môn học điều kiện không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, nhưng là điều kiện để xét tốt nghiệp.

3. Đề cương môn học

Đề cương môn học do giảng viên biên soạn và được Thủ trưởng đơn vị quản lý môn học phê duyệt để cung cấp cho người học trước khi giảng dạy môn học đó. Đề cương môn học gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin về đơn vị đào tạo (tên trường, khoa, bộ môn...);

b) Thông tin về giảng viên;

c) Thông tin về môn học (tên môn học, bắt buộc hay tự chọn, số lượng tín chỉ, loại giờ tín chỉ, các môn học tiên quyết...);

d) Thông tin về tổ chức dạy và học;

e) Mục tiêu, nội dung và phương pháp giảng dạy của môn học;

- f) Học liệu (giáo trình, tài liệu tham khảo);
- g) Các yêu cầu và quy định về kiểm tra - đánh giá kết quả học tập môn học;
- h) Một số thông tin liên quan khác theo quy định và hướng dẫn của Đại học Quốc gia Hà Nội.

4. Ngân hàng câu hỏi, đề kiểm tra, đề thi kết thúc môn học

Mỗi môn học có từ 200 đến 500 câu hỏi tự luận và trắc nghiệm do đơn vị phụ trách môn học tổ chức biên soạn để làm ngân hàng câu hỏi kiểm tra, thi kết thúc môn học. Ngân hàng câu hỏi của môn học được Hội đồng khoa học và đào tạo cấp khoa thẩm định, kiểm tra thử trước khi được Chủ nhiệm khoa cho phép sử dụng chính thức. Đề kiểm tra giữa kỳ và đề thi kết thúc môn học do giảng viên xây dựng từ ngân hàng câu hỏi đã được Chủ nhiệm khoa cho phép sử dụng chính thức.

Hàng năm, nội dung môn học được điều chỉnh, bổ sung, cập nhật phù hợp với trình độ phát triển khoa học, công nghệ và yêu cầu của thực tiễn. Việc điều chỉnh, bổ sung, cập nhật những nội dung cơ bản của môn học phải được Hội đồng khoa học và đào tạo của đơn vị đào tạo thông qua. Trên cơ sở đó, đề cương môn học, ngân hàng câu hỏi cũng được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Điều 6. Chương trình đào tạo của ngành học

Chương trình đào tạo đại học là hệ thống các môn học thể hiện mục tiêu giáo dục đại học, quy định chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ (phẩm chất đạo đức), phạm vi và cấu trúc nội dung giáo dục đại học, phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả đào tạo đối với mỗi môn học, ngành học, trình độ đào tạo của giáo dục đại học.

Mỗi chương trình đào tạo gắn với một ngành học.

Một ngành học với mục tiêu đào tạo, mức chất lượng và đặc thù khác nhau có một hoặc nhiều chương trình đào tạo khác nhau với khối lượng kiến thức, yêu cầu chất lượng và đặc thù tương ứng.

Khoa của trường đại học thành viên hoặc khoa trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội quản lý chương trình đào tạo.

Đại học Quốc gia Hà Nội có các chương trình đào tạo sau:

1. Chương trình đào tạo đơn ngành

- a) Chương trình đào tạo chuẩn;
- b) Chương trình đào tạo chất lượng cao;
- c) Chương trình đào tạo tài năng;
- d) Chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc tế;
- e) Chương trình đào tạo bằng kép;
- f) Chương trình đào tạo văn bằng thứ hai;
- g) Chương trình đào tạo liên thông.

2. Chương trình đào tạo đa ngành

- a) Chương trình đào tạo ngành chính - ngành phụ;
- b) Chương trình đào tạo ngành kép.

3. Chương trình đào tạo liên kết quốc tế

- a) Chương trình đào tạo do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng;
- b) Chương trình đào tạo do Đại học Quốc gia Hà Nội và cơ sở đào tạo đại học có tư cách pháp nhân của nước ngoài (đối tác nước ngoài) cùng cấp bằng;
- c) Chương trình đào tạo do đối tác nước ngoài cấp bằng.

Ngoài ra, Đại học Quốc gia Hà Nội còn tham gia tổ chức đào tạo chương trình tiên tiến theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 7. Hình thức đào tạo

Đại học Quốc gia Hà Nội có các hình thức đào tạo sau:

1. Đào tạo chính quy được tổ chức đào tạo tập trung liên tục trong toàn khóa học và áp dụng cho các chương trình đào tạo:

- a) Chương trình đào tạo chuẩn;
- b) Chương trình đào tạo chất lượng cao;
- c) Chương trình đào tạo tài năng;
- d) Chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc tế;
- e) Chương trình đào tạo bằng kép;
- f) Chương trình đào tạo văn bằng thứ hai đối với người đã có bằng đại học chính quy;
- g) Chương trình đào tạo ngành chính - ngành phụ;
- h) Chương trình đào tạo ngành kép;
- i) Chương trình đào tạo liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng.

2. Đào tạo vừa làm vừa học được tổ chức đào tạo không tập trung trong toàn khóa học và áp dụng cho các chương trình đào tạo:

- a) Chương trình đào tạo chuẩn;
- b) Chương trình đào tạo liên thông;
- c) Chương trình đào tạo văn bằng thứ hai đối với người đã có bằng đại học chính quy hoặc bằng đại học vừa làm vừa học.

Điều 8. Kinh phí đào tạo

1. Nguồn kinh phí đào tạo

Kinh phí để tổ chức đào tạo một ngành học bao gồm kinh phí từ Ngân sách nhà nước, học phí và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

a) Kinh phí từ Ngân sách nhà nước

Đại học Quốc gia Hà Nội phân bổ kinh phí từ Ngân sách nhà nước theo định mức và chỉ tiêu đào tạo hàng năm cho các ngành học có chương trình đào tạo tương ứng: chuẩn, chất lượng cao, tài năng, đạt chuẩn quốc tế, ngành chính – ngành phụ, ngành kép.

b) Học phí

- Sinh viên theo học bất kỳ ngành học nào đều phải nộp học phí (trừ sinh viên theo học các ngành học sư phạm).

- Sinh viên nộp học phí theo số tín chỉ đăng ký học trong mỗi học kỳ tại đơn vị đào tạo quản lý ngành học mà sinh viên theo học.

- Học phí được tính theo công thức:

$$M = a \sum_{i=1}^k h_j n_i \quad (j = 1 \div 4)$$

trong đó:

M: Số học phí phải nộp

a: Định mức học phí cho một tín chỉ theo hình thức đào tạo và chương trình đào tạo

h_j : Hệ số học phí của môn học thứ i mà sinh viên học lần đầu (h_1), học lại (h_2), học cải thiện điểm (h_3), học tự chọn tự do (h_4)

n_i : Số tín chỉ của môn học thứ i

k: Tổng số môn học

- Thủ trưởng đơn vị đào tạo xây dựng định mức học phí cho một tín chỉ và hệ số học phí của từng môn học cho tất cả các ngành học phù hợp với các quy định chung của Nhà nước và của Đại học Quốc gia Hà Nội, không cao hơn mức học phí do Nhà nước quy định, báo cáo Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt trước khi thực hiện.

- Cách tính học phí trên được áp dụng cho cả các môn học phải học lại, môn học cải thiện điểm, các môn học tự chọn tự do.

- Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định cụ thể và công bố công khai, rộng rãi cho sinh viên biết cách thức thu, nộp và xét miễn giảm học phí.

- Các đơn vị đào tạo thực hiện chế độ miễn, giảm học phí cho các đối tượng đang theo học tại đơn vị mình theo quy định hiện hành của Nhà nước. Việc miễn, giảm học phí được thực hiện trong thời gian của khóa học, trừ trường hợp có những thay đổi về lý do miễn hoặc giảm học phí.

Nhà nước cấp trực tiếp tiền hỗ trợ miễn, giảm học phí cho các đối tượng được miễn, giảm theo quy định hiện hành của Nhà nước; các đối tượng này thực hiện nộp học phí đầy đủ theo mức quy định của đơn vị đào tạo.

c) Các nguồn kinh phí hợp pháp khác

Các nguồn kinh phí hợp pháp dành cho công tác đào tạo do Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định theo tình hình thực tế, nhưng không được cao hơn định mức của Nhà nước cấp đối với hình thức đào tạo chính quy.

2. Sử dụng kinh phí đào tạo

a) Trên cơ sở nguồn kinh phí đào tạo và tổng số tín chỉ của mỗi chương trình đào tạo, đơn vị đào tạo xác định nội dung và mức chi theo tín chỉ. Kinh phí đào tạo được sử dụng để chi cho các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Giảng dạy (kể cả kiểm tra, đánh giá, thi) và quản lý giảng dạy môn học;
- Quản lý sinh viên;
- Duy tu, bảo dưỡng cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo.

b) Đơn vị quản lý nguồn kinh phí đào tạo có trách nhiệm thanh toán kinh phí cho đơn vị thực hiện các nhiệm vụ nêu tại khoản 6, Điều 2 của Quy chế này theo tỷ lệ và định mức do Đại học Quốc gia Hà Nội quy định.

c) Đơn vị được giao quản lý cơ sở vật chất có trách nhiệm duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp cơ sở vật chất ưu tiên phục vụ công tác đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội.

3. Hiệu quả sử dụng kinh phí đào tạo

Đơn vị đào tạo xác định tỷ lệ các nguồn kinh phí đào tạo cho mỗi ngành học cụ thể. Sau một khóa học, đơn vị đào tạo đánh giá tổng kết tính hiệu quả kinh tế về kinh phí đào tạo của mỗi ngành học và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội. Hiệu quả sử dụng kinh phí đào tạo là căn cứ để Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội cho phép tiếp tục đào tạo hay dừng đào tạo một ngành học.

Chương II

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 9. Cấu trúc chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được sắp xếp theo các khối kiến thức:

1. Khối kiến thức chung được tổ chức giảng dạy thống nhất ở tất cả các đơn vị đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Khối kiến thức theo lĩnh vực được tổ chức giảng dạy thống nhất ở tất cả các đơn vị đào tạo có ngành học thuộc cùng lĩnh vực.
3. Khối kiến thức theo khối ngành được tổ chức giảng dạy ở tất cả các khoa của một đơn vị đào tạo có ngành học thuộc cùng khối ngành.
4. Khối kiến thức theo nhóm ngành được tổ chức giảng dạy ở một khoa của một đơn vị đào tạo có các ngành học thuộc cùng nhóm ngành.

5. Khối kiến thức ngành bao gồm các môn học của ngành, chuyên ngành, nghiệp vụ, thực tập, thực tế, khóa luận hoặc đồ án tốt nghiệp được tổ chức giảng dạy ở một khoa chuyên ngành.

Chương trình đào tạo có hai phần kiến thức: Phần kiến thức cốt lõi của ngành học gồm các khối kiến thức 1, 2, 3, 4, 5 và phần kiến thức bổ trợ là các môn học tự chọn có điều kiện thuộc các khối kiến thức 2, 3, 4 của ngành học khác.

Điều 10. Nguyên tắc xây dựng ngành học mới

Đơn vị đào tạo xây dựng đề án mở ngành học mới theo nguyên tắc:

1. Có nhu cầu xã hội cao, được minh chứng qua điều tra khảo sát tại các cơ sở sử dụng người học sau tốt nghiệp.

2. Phù hợp với sứ mệnh, gắn liền với chiến lược phát triển của Đại học Quốc gia Hà Nội và của đơn vị đào tạo; có vai trò thí điểm tiên phong cho hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam.

3. Ưu tiên xây dựng các ngành học có tính liên ngành, độc đáo, phát huy thế mạnh của các đơn vị; thúc đẩy liên thông, liên kết trong Đại học Quốc gia Hà Nội; hợp tác với các viện nghiên cứu, các doanh nghiệp và các cơ sở sử dụng người học sau tốt nghiệp. Khuyến khích mở ngành học mới nhưng không làm tăng quy mô tuyển sinh chung của Đại học Quốc gia Hà Nội.

4. Không trùng với ngành học do đơn vị đào tạo khác trong Đại học Quốc gia Hà Nội đang làm đầu mỗi phụ trách.

5. Xây dựng theo cách tiếp cận chuẩn đầu ra để sau khi tốt nghiệp người học có thể làm việc đúng với ngành học.

6. Phù hợp với các điều kiện đảm bảo chất lượng hiện có và khả năng bổ sung của Đại học Quốc gia Hà Nội, của đơn vị đào tạo, thu hút và khai thác được nguồn lực của các cơ sở sử dụng người học sau tốt nghiệp, các nhà tài trợ, nguồn vốn ngoài ngân sách và các khả năng xã hội hóa khác.

7. Phát huy được hiệu quả hợp tác quốc tế để hoàn thiện chương trình đào tạo và phương thức quản lý, tổ chức đào tạo, nâng cao trình độ giảng viên, nhanh chóng đạt chuẩn quốc tế về nội dung, phương pháp, mô hình đào tạo và hệ thống văn bằng.

Điều 11. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

1. Chuẩn đầu ra là quy định về nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ (ý thức và phẩm chất) của người học, công việc mà người học có thể đảm nhận được sau khi tốt nghiệp và các yêu cầu đặc thù khác đối với từng trình độ, từng ngành học;

2. Xây dựng và ban hành chuẩn đầu ra là yêu cầu bắt buộc khi xây dựng chương trình đào tạo để công khai với xã hội và người học về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, các kiến thức, kỹ năng sẽ được trang bị sau khi tốt nghiệp làm cơ sở xây dựng và phát triển chương trình đào tạo, đổi mới công tác quản lý đào tạo, đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá, đổi mới phương pháp

học tập; tạo cơ hội và tăng cường hợp tác, gắn kết giữa đơn vị đào tạo và cơ sở sử dụng người học sau tốt nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực;

3. Chuẩn đầu ra bao gồm các nội dung sau:

a) Tên ngành đào tạo: Tiếng Việt và tiếng Anh;

b) Trình độ đào tạo: Đại học;

c) Yêu cầu về kiến thức: Tri thức chuyên môn, năng lực nghề nghiệp (kiến thức chung, kiến thức cơ bản, cơ sở của nhóm ngành, ngành và chuyên ngành; các kiến thức cập nhật của ngành, lĩnh vực...); khả năng cập nhật kiến thức, khả năng tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn, kiến thức xã hội;

d) Yêu cầu về kỹ năng:

- Kỹ năng nghề nghiệp: Kỹ năng chuyên môn, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề; kỹ năng lập kế hoạch, ...

- Kỹ năng mềm: Kỹ năng giao tiếp bằng văn bản, bằng công nghệ thông tin và các phương tiện truyền thông; kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ; kỹ năng làm việc theo nhóm; kỹ năng thuyết trình và giao tiếp với đồng nghiệp và các kỹ năng cần thiết khác.

e) Yêu cầu về thái độ:

- Phẩm chất đạo đức, trách nhiệm công dân;

- Trách nhiệm, đạo đức, ý thức và tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ.

- Thái độ tích cực.

f) Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp;

g) Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp;

h) Các chương trình, tài liệu đạt chuẩn quốc tế mà đơn vị đào tạo tham khảo.

4. Chuẩn trình độ ngoại ngữ đầu ra của các chương trình đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội quy định như sau:

a) Chuẩn B1 (ví dụ đối với tiếng Anh: tương đương 4.0 IELTS) đối với các chương trình đào tạo chuẩn, bằng kép, văn bằng thứ 2, liên thông, ngành chính – ngành phụ, ngành kép và liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng;

b) Chuẩn B2 (ví dụ đối với tiếng Anh: tương đương 5.0 IELTS) đối với chương trình đào tạo chất lượng cao;

c) Chuẩn C1 (ví dụ đối với tiếng Anh: tương đương 6.0 IELTS) đối với các chương trình đào tạo tài năng, đạt chuẩn quốc tế.

5. Thủ trưởng đơn vị đào tạo chỉ đạo việc xây dựng chuẩn đầu ra chi tiết và định lượng cho từng chương trình đào tạo, tổ chức hội thảo rộng rãi để lấy ý kiến đóng góp của các nhà quản lý, các nhà khoa học, giảng viên, các cơ sở sử dụng

người học sau tốt nghiệp, cựu sinh viên..., hoàn thiện và công bố chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo.

Điều 12. Thiết kế chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo được thiết kế dựa vào chuẩn đầu ra và áp dụng theo quy trình 4 bước nhằm đổi mới nội dung, phương pháp và công nghệ đào tạo:

- a) Hình thành mục tiêu, điều tra nhu cầu và xây dựng chuẩn đầu ra;
- b) Thiết kế chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra;
- c) Thực hiện đào tạo thí điểm, điều chỉnh chương trình đào tạo;
- d) Triển khai đào tạo đại trà.

2. Thiết kế chương trình đào tạo đơn ngành

Chương trình đào tạo đơn ngành được thiết kế gồm phần kiến thức cốt lõi của ngành học tối thiểu là 120 tín chỉ và phần kiến thức bổ trợ tối đa là 15 tín chỉ. Các chương trình đào tạo được thiết kế như sau:

a) Chương trình đào tạo chuẩn đào tạo nguồn nhân lực đạt chuẩn chất lượng quốc gia, được thiết kế từ 120 đến 140 tín chỉ;

b) Chương trình đào tạo chất lượng cao đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đạt chuẩn khu vực trong các lĩnh vực khoa học cơ bản, công nghệ cao, kinh tế - xã hội mũi nhọn và ngoại ngữ, được thiết kế từ 140 đến 155 tín chỉ trên cơ sở nâng cao, bổ sung một số môn học so với chương trình đào tạo chuẩn của ngành học tương ứng;

c) Chương trình đào tạo tài năng đào tạo nguồn nhân lực đạt chuẩn quốc tế đối với những sinh viên xuất sắc, có năng khiếu về một ngành khoa học cơ bản để tạo nguồn nhân tài cho đất nước, được thiết kế từ 160 đến 170 tín chỉ trên cơ sở nâng cao, bổ sung một số môn học với yêu cầu trình độ cao hơn và nội dung rộng hơn, sâu hơn so với chương trình đào tạo chuẩn của ngành học tương ứng;

d) Chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc tế đào tạo theo chương trình và công nghệ đào tạo của các trường đại học tiên tiến có uy tín cao trên thế giới đã được điều chỉnh phù hợp với khả năng, điều kiện của Đại học Quốc gia Hà Nội, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đạt mức độ cao nhất theo các tiêu chí kiểm định chất lượng của Đại học Quốc gia Hà Nội, được thiết kế từ 140 đến 155 tín chỉ;

e) Chương trình đào tạo bằng kép được thiết kế dựa trên hai chương trình đào tạo chuẩn có khối lượng kiến thức trùng nhau ít nhất là 40 tín chỉ, gồm 2 phần: phần 1 là các môn học chung của hai chương trình đào tạo, sinh viên chỉ cần tích lũy một lần; phần 2 là các môn học còn lại của hai chương trình đào tạo, sinh viên phải tích lũy đủ. Sinh viên tích lũy đủ số tín chỉ theo yêu cầu của cả hai chương trình đào tạo, khi tốt nghiệp được cấp hai bằng.

f) Chương trình đào tạo văn bằng thứ hai được thiết kế dựa trên chương trình đào tạo văn bằng thứ nhất của người học và chương trình đào tạo chuẩn của ngành học mà người học tham dự. Người học phải tích lũy đủ các môn học có trong chương trình đào tạo của ngành học thứ hai mà khi học ngành học thứ nhất chưa được học hoặc đã học nhưng chưa đủ khối lượng quy định.

g) Chương trình đào tạo liên thông được thiết kế trên cơ sở bổ sung những kiến thức cần thiết cho những người đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng để đảm bảo tích lũy được khối kiến thức tương đương với chương trình đào tạo chuẩn.

3. Thiết kế chương trình đào tạo đa ngành

a) Chương trình đào tạo ngành chính – ngành phụ

Ngoài nội dung chương trình đào tạo được thiết kế cho ngành đơn thứ nhất với khối lượng kiến thức tối thiểu là 120 tín chỉ, có thể bổ sung các môn học của chương trình đào tạo ngành đơn thứ hai hoặc các môn học bổ trợ kiến thức khác với khối lượng kiến thức từ 15 đến 29 tín chỉ để tạo thành chương trình đào tạo ngành chính – ngành phụ. Các môn học bổ sung được thể hiện trong bảng điểm cấp kèm theo bằng tốt nghiệp. Việc quản lý và tổ chức đào tạo được thực hiện liên thông giữa các khoa trong cùng một đơn vị đào tạo hoặc giữa các đơn vị đào tạo trong Đại học Quốc gia Hà Nội.

b) Chương trình đào tạo ngành kép

Chương trình đào tạo ngành kép gồm hai phần: Nội dung chương trình đào tạo ngành thứ nhất với tối thiểu là 120 tín chỉ và khối lượng kiến thức của chương trình đào tạo ngành thứ hai (trong cùng nhóm ngành hoặc nhóm ngành gần) từ 30 tín chỉ trở lên (không tính những môn học giống nhau, tương đương trong ngành thứ nhất và phù hợp với ngành thứ hai). Việc quản lý và tổ chức đào tạo được thực hiện liên thông giữa các khoa trong cùng một đơn vị đào tạo hoặc giữa các đơn vị đào tạo trong Đại học Quốc gia Hà Nội.

4. Thiết kế chương trình đào tạo liên kết quốc tế

Chương trình đào tạo liên kết quốc tế đào tạo nguồn nhân lực theo chuẩn của đối tác nước ngoài có uy tín cao trên thế giới, được kiểm định chất lượng bởi các tổ chức có tư cách pháp nhân được Nhà nước thừa nhận (đối với các nước có kiểm định chất lượng các trường đại học) và đáp ứng nhu cầu xã hội.

a) Chương trình đào tạo do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng được thiết kế theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và tham khảo chương trình đào tạo của đối tác nước ngoài để điều chỉnh, bổ sung đáp ứng yêu cầu và điều kiện thực tế của Việt Nam.

b) Chương trình đào tạo do Đại học Quốc gia Hà Nội và đối tác nước ngoài cùng cấp bằng được thiết kế trên cơ sở quy định về thiết kế chương trình đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội và quy định về xây dựng chương trình đào tạo của đối tác nước ngoài theo thỏa thuận hợp tác ký kết giữa hai bên.

c) Chương trình đào tạo do đối tác nước ngoài cấp bằng được đơn vị đào tạo lựa chọn từ các chương trình đào tạo của đối tác nước ngoài và có đề nghị bổ sung, thay thế một số môn học phù hợp, đáp ứng yêu cầu của Việt Nam.

Điều 13. Tổ chức xây dựng, ban hành chương trình đào tạo và giao nhiệm vụ tổ chức đào tạo

1. Tổ chức xây dựng, ban hành và giao nhiệm vụ tổ chức đào tạo đối với các chương trình đào tạo hiện hành do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng bao gồm các chương trình đào tạo quy định tại Điều 6 (trừ mục b, c, khoản 3) của Quy chế này được phân cấp thực hiện như sau:

a) Cấp Đại học Quốc gia Hà Nội:

- Chỉ đạo xây dựng chương trình đào tạo, quy định cơ cấu và khối lượng các khối kiến thức, trực tiếp xác định danh mục và khối lượng kiến thức của các môn học thuộc khối kiến thức 1, 2 được quy định tại Điều 9 của Quy chế này.

- Tổ chức xây dựng, nghiệm thu và ban hành đề cương các môn học thuộc khối kiến thức 1, 2 quy định tại Điều 9 của Quy chế này.

b) Cấp đơn vị đào tạo:

- Xác định danh mục và khối lượng kiến thức của các môn học thuộc các khối kiến thức 3, 4, 5 và phần kiến thức bổ trợ được quy định tại Điều 9 của Quy chế này, báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội để tổng hợp và tổ chức thẩm định chương trình đào tạo.

- Tổ chức xây dựng, nghiệm thu đề cương môn học thuộc các khối kiến thức 3, 4, 5 được quy định tại Điều 9 của Quy chế này.

2. Tổ chức xây dựng, ban hành chương trình đào tạo và giao nhiệm vụ tổ chức đào tạo đối với các ngành học mới chưa có trong danh mục ngành đào tạo của Nhà nước hoặc đã có nhưng chưa tổ chức đào tạo ở Đại học Quốc gia Hà Nội được thực hiện theo bốn bước:

a) Bước 1: Đơn vị đào tạo thành lập nhóm xây dựng chương trình đào tạo, trong đó mời đại diện cơ sở sử dụng người học sau tốt nghiệp và tổ chức xây dựng đề án mở ngành đào tạo để trình Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội. Ban Đào tạo làm đầu mối tổ chức thẩm định và trình Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định ban hành chương trình đào tạo sau khi đơn vị đào tạo đã hoàn thiện đề án đáp ứng yêu cầu;

b) Bước 2: Trên cơ sở chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo đã ban hành, đơn vị đào tạo tập trung củng cố và tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng để thực hiện đúng cam kết theo chuẩn đầu ra: đảm bảo các chuẩn về đội ngũ giảng viên, cơ sở học liệu, cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, thực hành, nguồn kinh phí, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, các phương thức liên kết với đơn vị sử dụng và các tổ chức xã hội nghề nghiệp khác;

c) Bước 3: Ban Đào tạo làm đầu mối, phối hợp với các ban chức năng và các đơn vị liên quan tổ chức khảo sát, kiểm tra tình hình thực tế, thẩm định điều kiện

đảm bảo chất lượng, báo cáo để Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội xem xét, quyết định giao nhiệm vụ đào tạo cho đơn vị có đủ điều kiện đảm bảo chất lượng theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Bước 4: Sau khi được giao nhiệm vụ đào tạo, đơn vị đào tạo xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện đúng các quy trình quy định đối với từng chương trình đào tạo và hình thức đào tạo. Sau khóa đào tạo đầu tiên, đơn vị đào tạo tổ chức đánh giá và đề xuất phương hướng phát triển chương trình đào tạo.

3. Xây dựng chương trình đào tạo liên kết quốc tế quy định tại mục b, mục c, khoản 3, Điều 6 của Quy chế này được thực hiện như sau:

a) Căn cứ tình hình cụ thể về cơ sở vật chất, cán bộ quản lý, giảng viên và các điều kiện khác để đảm bảo chất lượng đào tạo, đơn vị đào tạo xây dựng đề án đào tạo liên kết quốc tế, lập kế hoạch dự kiến tổ chức thực hiện trong năm học, trình Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội xem xét phê duyệt. Chậm nhất là 3 tháng trước thời gian tuyển sinh, đơn vị đào tạo báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội về các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo theo đề án đã được phê duyệt;

b) Ban Quan hệ Quốc tế thẩm định tư cách pháp nhân của đối tác nước ngoài, gửi kết quả thẩm định về Ban Đào tạo;

c) Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục thẩm định văn bản kiểm định chất lượng và thứ hạng của đối tác nước ngoài, gửi kết quả thẩm định về Ban Đào tạo;

d) Ban Đào tạo tiếp nhận hồ sơ xin phép thực hiện chương trình đào tạo liên kết quốc tế; thẩm định nội dung chương trình đào tạo liên kết quốc tế; làm đầu mối phối hợp với các ban Tổ chức cán bộ, Khoa học Công nghệ, Kế hoạch - Tài chính tổ chức thẩm định điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo theo chuẩn của đối tác nước ngoài;

e) Ban Đào tạo tổng hợp kết quả thẩm định trình Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định cho phép đơn vị đào tạo triển khai thực hiện chương trình đào tạo liên kết quốc tế.

Chương III

TUYỂN SINH

Điều 14. Chỉ tiêu tuyển sinh

Hàng năm, căn cứ vào các điều kiện đảm bảo chất lượng, nhu cầu xã hội và tình hình sinh viên có việc làm đúng chuyên môn sau tốt nghiệp, đơn vị đào tạo xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh cho từng ngành học, từng hình thức đào tạo với chương trình đào tạo tương ứng của năm học tiếp theo, trước ngày 30 tháng 6 báo cáo và đề nghị Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt.

Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định chỉ tiêu tuyển sinh của các đơn vị đào tạo, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sau khi có quyết định về chỉ tiêu tuyển sinh của Đại học Quốc gia Hà Nội, các đơn vị đào tạo mới được tổ chức tuyển sinh, tổ chức đào tạo.

Điều 15. Điều kiện dự thi tuyển sinh

1. Những người có đủ các điều kiện dưới đây được dự thi tuyển sinh vào học các chương trình đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội:

a) Điều kiện về học lực

- Đối với các chương trình đào tạo theo hình thức đào tạo chính quy được quy định tại khoản 1 (trừ mục e và f), Điều 7 của Quy chế này: thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương, trung cấp chuyên nghiệp, trung học nghề, trung cấp nghề; đáp ứng các điều kiện về học lực ở bậc trung học phổ thông hoặc tương đương do Đại học Quốc gia Hà Nội quy định cho tất cả hoặc một số ngành học;

- Đối với chương trình đào tạo bằng kép: Đáp ứng điều kiện quy định tại mục c, khoản 1 và mục b, khoản 2, Điều 32 của Quy chế này;

- Đối với chương trình đào tạo chuẩn theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học: thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương, trung cấp chuyên nghiệp, bổ túc trung học phổ thông;

- Đối với chương trình đào tạo liên thông: thí sinh đã tốt nghiệp cao đẳng đạt loại khá trở lên, ngành học cao đẳng phù hợp với ngành dự thi sẽ được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp; tốt nghiệp loại trung bình phải có ít nhất 1 năm làm việc gắn với chuyên môn được đào tạo mới được dự thi;

- Đối với chương trình đào tạo văn bằng hai: thí sinh tốt nghiệp đại học.

b) Không thuộc diện đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang trong thời kỳ thi hành án hình sự.

c) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định của ngành học. Đối với những người tàn tật, khuyết tật, tùy tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành học, khả năng và điều kiện của đơn vị, Thủ trưởng đơn vị đào tạo xem xét, quyết định cho dự thi tuyển sinh.

d) Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các giấy tờ hợp lệ, lệ phí đăng ký dự thi và lệ phí dự thi.

e) Đáp ứng những quy định riêng đối với một số ngành học đặc thù.

2. Những người không đủ các điều kiện trên và những người thuộc diện dưới đây không được dự thi:

a) Không chấp hành Luật Nghĩa vụ quân sự;

b) Bị tước quyền dự thi tuyển sinh hoặc bị kỷ luật buộc thôi học chưa hết thời hạn quy định tính từ ngày ký quyết định kỷ luật đến ngày dự thi;

c) Sinh viên đang học tại các trường đại học, cao đẳng chưa được Hiệu trưởng nhà trường cho phép dự thi;

d) Quân nhân hoặc công an nhân dân tại ngũ chưa được Thủ trưởng cơ quan cho phép đi học.

Điều 16. Hồ sơ và thủ tục đăng ký dự thi

1. Đào tạo chính quy

a) Đối với các chương trình đào tạo chuẩn, đạt chuẩn quốc tế, ngành chính – ngành phụ và ngành kép: thí sinh hoàn thành hồ sơ và thủ tục đăng ký dự thi theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Đối với các chương trình đào tạo chất lượng cao, tài năng, bằng kép, văn bằng thứ hai, liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng: thí sinh hoàn thành hồ sơ và thủ tục đăng ký dự thi theo quy định hàng năm của đơn vị đào tạo.

2. Đào tạo vừa làm vừa học

a) Hồ sơ đăng ký dự thi

- Đối với chương trình đào tạo chuẩn, hồ sơ gồm có:

- + Phiếu đăng ký dự thi hoặc phiếu đăng ký xét tuyển;
- + Bản sao bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (trung cấp chuyên nghiệp, bổ túc trung học) có công chứng;
- + Bản sao bằng tốt nghiệp đại học có công chứng (nếu có);
- + Bản sao giấy khai sinh có công chứng;
- + Bản sơ yếu lý lịch có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, doanh nghiệp hoặc ủy ban nhân dân xã, phường;
- + Bản sao giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên có công chứng (nếu có);
- + Hai ảnh màu chụp kiểu chứng minh thư nhân dân cỡ 4 cm x 6 cm, mặt sau ảnh ghi rõ họ tên và ngày, tháng, năm sinh của thí sinh;
- + Hai phong bì có dán tem thư ghi rõ họ tên, địa chỉ người nhận.

- Đối với chương trình đào tạo liên thông, hồ sơ cần bổ sung:

- + Bản sao bằng tốt nghiệp cao đẳng có công chứng;
- + Quyết định của Thủ trưởng cơ quan, doanh nghiệp cử đi học (đối với những người đang làm việc trong các cơ quan, doanh nghiệp);
- + Giấy giới thiệu đi học của xã, phường nơi người học có hộ khẩu thường trú (đối với người không thuộc diện cơ quan, doanh nghiệp quản lý).

- Đối với chương trình đào tạo văn bằng thứ hai, hồ sơ cần bổ sung:

- + Bản sao bằng tốt nghiệp và bằng điểm đại học có công chứng;
- + Quyết định của Thủ trưởng cơ quan, doanh nghiệp cử đi học (đối với những người đang làm việc trong các cơ quan, doanh nghiệp);
- + Giấy giới thiệu đi học của xã, phường nơi người học có hộ khẩu thường trú (đối với người không thuộc diện cơ quan, doanh nghiệp quản lý).

b) Thủ tục đăng ký dự thi

- Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký dự thi, lệ phí đăng ký dự thi và lệ phí dự thi cho đơn vị đào tạo chậm nhất một tháng trước ngày thi;

- Sau khi nộp hồ sơ đăng ký dự thi, nếu có sự thay đổi về gia đình hoặc bản thân, thí sinh có trách nhiệm thông báo kịp thời cho đơn vị đào tạo và trước ngày thi phải nộp bổ sung đầy đủ giấy tờ liên quan. Sau ngày thi, đơn vị đào tạo không nhận các giấy tờ bổ sung;

- Đối với lớp mở tại đơn vị đào tạo, thí sinh nộp 1 bộ hồ sơ đăng ký dự thi; đối với lớp đặt tại địa phương, thí sinh nộp 2 bộ hồ sơ đăng ký dự thi (1 bộ lưu tại đơn vị đào tạo và 1 bộ lưu tại cơ sở đặt lớp).

Điều 17. Các môn thi tuyển sinh

1. Đào tạo chính quy

a) Đối với các chương trình đào tạo chuẩn, đạt chuẩn quốc tế, ngành chính – ngành phụ, ngành kép: thí sinh dự thi 3 môn văn hóa theo khối thi do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định khối thi cho mỗi ngành học và thông báo trước thời gian tổ chức thi tuyển sinh ít nhất là 3 tháng.

b) Đối với các chương trình đào tạo chất lượng cao, tài năng: Sinh viên đủ điều kiện xét tuyển học chương trình đào tạo chất lượng cao, tài năng sẽ dự kiểm tra trình độ tiếng Anh.

c) Đối với các chương trình đào tạo bằng kép: Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định cụ thể môn thi tuyển.

d) Đối với chương trình đào tạo văn bằng thứ hai: thi 2 môn phù hợp với yêu cầu của văn bằng thứ hai.

2. Đào tạo vừa làm vừa học

a) Đối với chương trình đào tạo chuẩn: thí sinh dự thi 3 môn văn hóa theo khối thi do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định khối thi cho mỗi ngành học và thông báo trước thời gian tổ chức thi tuyển sinh ít nhất là 3 tháng;

b) Đối với chương trình đào tạo liên thông: thí sinh dự thi môn cơ sở ngành và môn chuyên ngành;

c) Đối với chương trình đào tạo văn bằng thứ hai: thi 2 môn phù hợp với yêu cầu của văn bằng thứ hai.

Điều 18. Tổ chức thi tuyển sinh

1. Đào tạo chính quy

a) Đối với các chương trình đào tạo chuẩn, đạt chuẩn quốc tế, ngành chính – ngành phụ, ngành kép

Đại học Quốc gia Hà Nội chỉ đạo tổ chức tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định về tuyển sinh đại học do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành. Đại học Quốc gia Hà Nội chỉ đạo điều phối chung và quyết định sử dụng đề thi của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc trực tiếp tổ chức làm đề thi chung. Các đơn vị đào tạo xác định các ngành tuyển sinh, đề xuất khối thi tuyển sinh và hệ số điểm các môn thi cho từng ngành học để trình Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Không được đưa vào kế hoạch tuyển sinh những ngành học, chương trình đào tạo chưa được Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội giao nhiệm vụ cho tổ chức đào tạo.

Thủ trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh của đơn vị, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định về tuyển sinh đại học của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Việc tiếp nhận hồ sơ dự thi, tổ chức thi, làm phách, chấm thi, ráp điểm, tiếp nhận đơn xin phúc khảo và chấm phúc khảo được tổ chức theo khối thi và được Đại học Quốc gia Hà Nội giao cho Hội đồng tuyển sinh của một số đơn vị đào tạo thực hiện.

Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định điểm sàn trúng tuyển cho khối thi. Hội đồng tuyển sinh của đơn vị đào tạo chịu trách nhiệm quyết định điểm trúng tuyển của từng ngành học, nhóm ngành học hay của đơn vị đào tạo để phù hợp với chỉ tiêu tuyển sinh được giao, công bố kết quả và triệu tập thí sinh trúng tuyển của đơn vị. Đối với các khoa trực thuộc, Trưởng Ban Đào tạo ký giấy triệu tập thí sinh trúng tuyển, khoa tổ chức đón nhận và làm thủ tục nhập học cho thí sinh trúng tuyển vào năm học thứ nhất.

b) Đối với chương trình đào tạo chất lượng cao, tài năng

- Sinh viên thuộc các diện sau được xét tuyển thẳng vào học chương trình đào tạo chất lượng cao, tài năng:

+ Thành viên đội tuyển quốc gia tham dự kỳ thi Olympic quốc tế về môn học phù hợp với ngành học;

+ Học sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia lớp 12 về môn học phù hợp với ngành học.

- Sinh viên đã trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh đại học chính quy trong năm vào Đại học Quốc gia Hà Nội có cùng khối thi và đáp ứng một trong các điều kiện sau được dự tuyển vào học chương trình đào tạo chất lượng cao, tài năng:

+ Đã tốt nghiệp trung học phổ thông chuyên của các trường đại học hoặc các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

+ Được xếp loại giỏi 3 năm liền ở lớp 10, 11, 12;

+ Đạt giải nhất, nhì, ba cấp tỉnh, thành phố hoặc tương đương về môn học phù hợp với ngành học;

+ Đạt kết quả cao trong kỳ thi tuyển sinh đại học chính quy trong năm.

Xét tuyển theo điểm các tiêu chí từ cao xuống cho đến hết chỉ tiêu, ưu tiên đối với sinh viên có trình độ tiếng Anh tốt.

Căn cứ tình hình hàng năm, Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định cụ thể và thông báo rộng rãi về điều kiện dự tuyển xét theo kết quả thi tuyển sinh đại học.

c) Đối với chương trình đào tạo bằng kép

Chương trình đào tạo bằng kép do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng đơn vị đào tạo. Quy mô đào tạo bằng kép do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội giao hàng năm theo điều kiện đảm bảo chất lượng. Đơn vị đào tạo thông báo chỉ tiêu tuyển sinh, điều kiện và hình thức tuyển sinh trước thời gian tổ chức tuyển sinh ít nhất là 3 tháng.

d) Đối với chương trình đào tạo văn bằng thứ hai theo hình thức chính quy

Thủ trưởng đơn vị đào tạo lập kế hoạch tuyển sinh và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội; Thủ trưởng đơn vị đào tạo chịu trách nhiệm tổ chức tuyển sinh của đơn vị mình theo quy định về tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Đào tạo vừa làm vừa học

a) Đối với chương trình đào tạo chuẩn

- Mỗi năm, chỉ tổ chức tuyển sinh 2 đợt vào tháng 4 và tháng 10.

- Chậm nhất 1 tháng sau khi nhận được quyết định giao chỉ tiêu, các đơn vị đào tạo báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội kế hoạch tổ chức các đợt tuyển sinh; chỉ tiêu và ngành học dự kiến tuyển sinh; môn thi; ngày thi, địa điểm thi và địa điểm đặt lớp; đồng thời thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng đầy đủ thông tin về các đợt thi tuyển sinh. Mọi thay đổi về kế hoạch tuyển sinh, môn thi tuyển sinh, chỉ tiêu, ngành học phải báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội chậm nhất 1 tháng trước khi tổ chức tuyển sinh và thông báo công khai để thí sinh biết.

- Điều kiện được tổ chức tuyển sinh:

+ Ngành học đã có ít nhất 2 năm tổ chức đào tạo chính quy;

+ Đơn vị liên kết phải đảm bảo được các yêu cầu về cơ sở vật chất và cán bộ quản lý đối với các ngành được đào tạo; chịu trách nhiệm quản lý sinh viên, giám sát việc thực hiện kế hoạch giảng dạy của giảng viên và chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất theo yêu cầu của đơn vị đào tạo;

+ Đơn vị đào tạo chịu trách nhiệm tất cả các khâu về công tác đào tạo từ thông báo tuyển sinh, tổ chức thi tuyển, xét và công nhận thí sinh trúng tuyển, quản lý và tổ chức đào tạo, cấp bằng tốt nghiệp cho người học.

- Thủ trưởng đơn vị đào tạo chịu trách nhiệm tổ chức tuyển sinh theo Quy

chế tuyển sinh đại học và cao đẳng hình thức vừa làm vừa học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội, bao gồm các nội dung sau:

- + Thành lập hội đồng tuyển sinh;
- + Ra thông báo tuyển sinh chậm nhất trước ngày thi 3 tháng. Nội dung thông báo tuyển sinh cần ghi rõ: ngành học, chỉ tiêu tuyển sinh, thời gian và địa điểm thi, môn thi, phương thức xét tuyển, hình thức đào tạo, thời gian đào tạo, văn bằng tốt nghiệp, học phí;
- + Nhận và duyệt hồ sơ đăng ký dự thi;
- + Đề thi tuyển sinh các môn văn hóa thuộc các khối thi nhận từ Bộ Giáo dục và Đào tạo; tổ chức in sao, bảo quản, sử dụng đề thi;
- + Tổ chức kỳ thi;
- + Tổ chức chấm thi và phúc khảo;
- + Quyết định điểm chuẩn và xét tuyển phù hợp với chỉ tiêu đã phân bổ;
- + Ra quyết định công nhận trúng tuyển và triệu tập thí sinh trúng tuyển.

b) Đào tạo liên thông, văn bằng thứ hai theo hình thức vừa làm vừa học

- Thủ trưởng đơn vị đào tạo lập kế hoạch tuyển sinh và tổ chức tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội;

- Các quy định cụ thể về công tác tuyển sinh, xét tuyển và triệu tập thí sinh trúng tuyển thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng hiện hành phù hợp với trình độ và hình thức đào tạo.

Điều 19. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh đối với các hình thức đào tạo thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 20. Xét tuyển người nước ngoài

1. Người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài được xét tuyển vào học tại Đại học Quốc gia Hà Nội, gọi chung là lưu học sinh bao gồm:

a) Lưu học sinh theo hiệp định ký kết giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước ngoài;

b) Lưu học sinh theo hợp tác ký kết giữa Đại học Quốc gia Hà Nội hoặc giữa đơn vị đào tạo thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội với cơ sở đào tạo hoặc tổ chức giáo dục nước ngoài;

c) Lưu học sinh theo hình thức tự đăng ký.

2. Điều kiện nhập học

a) Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương;

b) Có đủ trình độ tiếng Việt hoặc ngoại ngữ (nếu theo học chương trình đào tạo được thực hiện bằng ngoại ngữ tương ứng) đáp ứng yêu cầu học tập do Đại học Quốc gia Hà Nội quy định.

Lưu học sinh phải dự kiểm tra trình độ tiếng Việt hoặc ngoại ngữ trước khi được tiếp nhận vào học. Việc kiểm tra do trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (đối với tiếng Việt) và trường Đại học Ngoại ngữ (đối với ngoại ngữ) tổ chức thực hiện.

Lưu học sinh được miễn kiểm tra tiếng Việt nếu thuộc một trong các diện:

- Đã tốt nghiệp đại học chuyên ngành tiếng Việt ở nước ngoài;
- Đã tốt nghiệp lớp dự bị tiếng Việt dành cho người nước ngoài ở trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn hoặc tại cơ sở đào tạo chuyên ngành của Việt Nam được Đại học Quốc gia Hà Nội công nhận;

- Đã tốt nghiệp chương trình đào tạo đại học bằng tiếng Việt.

Lưu học sinh được miễn kiểm tra ngoại ngữ nếu thuộc một trong các diện:

- Là công dân sử dụng ngoại ngữ cần dùng như ngôn ngữ chính thức;
- Đã tốt nghiệp chương trình đào tạo đại học bằng ngoại ngữ cần dùng;
- Có chứng chỉ ngoại ngữ do cơ sở đào tạo trong nước hoặc nước ngoài cấp và được Đại học Quốc gia Hà Nội công nhận;

- Đối với lưu học sinh dự học chương trình đào tạo sử dụng tiếng Anh: có chứng chỉ tiếng Anh đạt 5.5 điểm IELTS hoặc tương đương đối với lưu học sinh các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ; 6.0 điểm IELTS hoặc tương đương đối với lưu học sinh các ngành khoa học xã hội và nhân văn, kinh tế, luật...

c) Đủ sức khỏe để học tập theo xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền;

d) Có đủ khả năng tài chính đảm bảo học tập và sinh hoạt.

3. Hồ sơ nhập học

a) Đơn xin nhập học;

b) Bản sao bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương có công chứng (kèm theo bản dịch tiếng Việt hoặc tiếng Anh);

c) Bản sao học bạ hoặc bằng điểm bậc trung học phổ thông hoặc tương đương có công chứng hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (kèm theo bản dịch tiếng Việt hoặc tiếng Anh);

d) Giấy chứng nhận kết quả học tập đã tích lũy tại trường đại học nước ngoài hoặc Việt Nam (nếu có);

e) Minh chứng được miễn kiểm tra tiếng Việt hoặc ngoại ngữ;

f) Giấy xác nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền của nước ngoài hoặc Việt Nam cấp;

g) Cam kết khả năng tài chính đảm bảo học tập và sinh hoạt;

h) Bốn ảnh cỡ 4 cm × 6 cm (ảnh chụp không quá 6 tháng trước khi gửi đơn xin nhập học).

4. Xét tuyển

Thủ trưởng đơn vị đào tạo lập Hội đồng xét tuyển để xem xét, đánh giá trình độ và năng lực học vấn chuyên môn; trình độ tiếng Việt hoặc ngoại ngữ; sức khỏe và điều kiện tài chính của lưu học sinh thông qua thẩm định hồ sơ, kiểm tra hoặc phỏng vấn (nếu cần); triệu tập lưu học sinh đủ điều kiện nhập học và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội. Giấy triệu tập ghi rõ hình thức đào tạo, nguồn và mức kinh phí đào tạo.

Trường hợp đặc biệt do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định.

Điều 21. Nhập học

1. Các đơn vị đào tạo hoàn thành công tác tiếp nhận sinh viên năm thứ nhất và bắt đầu khóa học chính quy theo kế hoạch năm học chung của Đại học Quốc gia Hà Nội. Thời gian nhập học chính quy của toàn Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức thống nhất, không kéo dài quá 7 ngày.

2. Khi nhập học, thí sinh trúng tuyển thực hiện đầy đủ các quy định theo Giấy triệu tập thí sinh trúng tuyển.

3. Mọi thủ tục đăng ký nhập học phải được hoàn thành chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhập học theo quy định.

4. Khi làm thủ tục nhập học, sinh viên được đơn vị đào tạo cung cấp đầy đủ các thông tin: mã số sinh viên, chương trình đào tạo, kế hoạch học tập, quy chế đào tạo, quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên.

5. Thủ trưởng đơn vị đào tạo ký quyết định công nhận sinh viên năm thứ nhất, báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội chậm nhất 2 tháng tính từ thời gian nhập học đợt một.

6. Chậm nhất một tuần sau khi nhập học, sinh viên phải khai báo đầy đủ thông tin cá nhân theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội (theo yêu cầu của hệ thống thông tin tích hợp) và của đơn vị đào tạo.

Điều 22. Lệ phí tuyển sinh

1. Đối với các chương trình đào tạo chuẩn, đạt chuẩn quốc tế, ngành chính – ngành phụ, ngành kép có tuyển sinh chung trong toàn quốc, lệ phí tuyển sinh được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Đối với các chương trình đào tạo còn lại, căn cứ quy định của Nhà nước, của Đại học Quốc gia Hà Nội và điều kiện thực tế của đơn vị đào tạo, Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định lệ phí đăng ký dự thi, lệ phí dự thi, lệ phí xét tuyển theo nguyên tắc lấy thu bù chi.

Chương IV

TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 23. Học kỳ

Mỗi năm học có hai học kỳ chính và một học kỳ phụ.

Mỗi học kỳ chính có 15 tuần thực học và từ 3 đến 4 tuần thi.

Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi, được tổ chức trong thời gian hè.

Điều 24. Khóa học

1. Thời gian tối đa hoàn thành khóa học bao gồm thời gian thiết kế của khóa học và thời gian được phép tạm ngừng học để củng cố kiến thức, cải thiện kết quả học tập.

2. Thời gian của khóa học

a) Thời gian của khóa học đào tạo chính quy theo chương trình đào tạo chuẩn, chất lượng cao, tài năng và đạt chuẩn quốc tế tương ứng là 8 học kỳ chính đối với đào tạo cử nhân, từ 9 đến 10 học kỳ chính đối với đào tạo kỹ sư. Thời gian được phép tạm ngừng học để củng cố kiến thức, cải thiện kết quả học tập là 4 học kỳ chính;

b) Thời gian của khóa học đào tạo vừa làm vừa học dài hơn so với khóa học đào tạo chính quy ở cùng trình độ từ 1 đến 2 học kỳ chính. Thời gian được phép tạm ngừng học để củng cố kiến thức, cải thiện kết quả học tập là 4 học kỳ chính;

c) Thời gian của khóa học đào tạo liên thông từ 3 đến 4 học kỳ chính tùy theo ngành học. Thời gian được phép tạm ngừng học để củng cố kiến thức, cải thiện kết quả học tập là 2 học kỳ chính;

d) Thời gian của khóa học đào tạo văn bằng thứ hai do thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định cho từng sinh viên trên cơ sở những kiến thức đã được tích lũy và kết quả học tập được bảo lưu, nhưng không vượt quá thời gian quy định đối với một ngành học;

e) Thời gian tối đa đào tạo bằng kép là thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo thứ nhất.

3. Năm đào tạo

Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào số tín chỉ tích lũy (không kể các môn học tự chọn tự do, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh và kỹ năng mềm), sinh viên được xếp năm đào tạo như sau:

Năm đào tạo	Chương trình đào tạo chuẩn	Chương trình đào tạo chất lượng cao và đạt chuẩn quốc tế	Chương trình đào tạo tài năng
Năm thứ nhất	Dưới 35 tín chỉ	Dưới 40 tín chỉ	Dưới 45 tín chỉ
Năm thứ hai	Từ 35 - 70 tín chỉ	Từ 40 – 80 tín chỉ	Từ 45 – 90 tín chỉ
Năm thứ ba	Từ 71 – 105 tín chỉ	Từ 81 – 115 tín chỉ	Từ 91 – 130 tín chỉ
Năm thứ tư	Từ 106 – 140 tín chỉ	Từ 116 – 155 tín chỉ	Từ 131 – 170 tín chỉ
Năm thứ năm	Từ 141 – 150 tín chỉ		

Điều 25. Kế hoạch đào tạo

1. Hàng năm, đơn vị đào tạo lập kế hoạch tổ chức đào tạo, lịch trình đào tạo chi tiết theo kế hoạch thống nhất, đảm bảo liên thông trong toàn Đại học Quốc gia Hà Nội và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội trước ngày 31 tháng 7.

2. Đầu khóa học, đơn vị đào tạo thông báo cho sinh viên:

a) Cam kết chất lượng giáo dục;

b) Chương trình đào tạo của ngành học;

c) Chuẩn đầu ra của ngành học;

d) Điều kiện đảm bảo chất lượng (đội ngũ cán bộ giảng dạy, cơ sở vật chất, các phòng thí nghiệm, thư viện và hệ thống giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo);

e) Thu chi tài chính (kế hoạch tài chính, học phí, học bổng);

f) Quy chế đào tạo và các quy định liên quan tới học tập, rèn luyện, sinh hoạt của sinh viên.

3. Đầu năm học, đơn vị đào tạo thông báo cho sinh viên kế hoạch học tập của năm học.

4. Chậm nhất một tháng trước khi học kỳ mới bắt đầu, đơn vị đào tạo thông báo:

a) Thời khóa biểu lớp môn học dự kiến giảng dạy trong học kỳ có các thông tin: tên môn học, số tín chỉ, tên lớp môn học, tiết học, phòng học, số sinh viên tối thiểu, tối đa của lớp môn học, họ và tên, email và số điện thoại liên lạc của giảng viên dạy môn học và các thông tin khác;

b) Thời gian và cách thức tổ chức đăng ký môn học;

c) Các môn học không thể tổ chức giảng dạy theo kế hoạch đã công bố.

5. Tùy theo tình hình đăng ký môn học thực tế, đơn vị đào tạo thông báo các môn học không thể tổ chức giảng dạy theo kế hoạch đã công bố sau khi hết hạn đăng ký môn học.

6. Chậm nhất một tháng sau khi kết thúc học kỳ và kết thúc năm học, các đơn vị đào tạo nộp báo cáo sơ kết học kỳ và tổng kết năm học cho Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 26. Thời gian hoạt động giảng dạy

Thời gian hoạt động giảng dạy của đơn vị đào tạo từ 7 giờ đến 21 giờ hàng ngày thống nhất trong toàn Đại học Quốc gia Hà Nội. Một tiết học kéo dài 50 phút. Thời gian nghỉ giữa hai tiết học là 10 phút.

Điều 27. Tổ chức lớp học

1. Lớp khóa học

Lớp khóa học được tổ chức cho các sinh viên cùng một ngành học trong cùng một khóa học và ổn định từ đầu đến cuối mỗi khóa học nhằm quản lý sinh viên, duy trì các hoạt động đoàn thể, các phong trào thi đua, các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, thể thao trong quá trình học tập. Phụ trách lớp khóa học là giáo viên chủ nhiệm. Đại diện lớp khóa học là Ban cán sự lớp.

Lớp khóa học được gọi tên theo ngành học và năm nhập học của sinh viên, có mã hiệu theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Trường hợp sinh viên được phép nghỉ học tạm thời khi trở lại học tiếp được bố trí vào lớp khóa học phù hợp với khối lượng kiến thức đã tích lũy nhưng giữ nguyên mã sinh viên đã được cấp.

2. Lớp môn học

Lớp môn học được tổ chức cho sinh viên học cùng một môn học trong cùng một học kỳ. Đơn vị đào tạo phụ trách môn học có trách nhiệm thành lập và quản lý lớp môn học.

Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định số lượng sinh viên tối thiểu và tối đa cho mỗi lớp môn học tùy theo từng môn học, đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất của đơn vị. Lớp môn học sẽ không được tổ chức nếu số sinh viên đăng ký ít hơn số lượng sinh viên tối thiểu đã quy định, khi đó sinh viên phải đăng ký học môn học khác nếu chưa đủ khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ.

Giảng viên môn học trực tiếp phụ trách lớp môn học. Đại diện lớp môn học là lớp trưởng do giảng viên môn học chỉ định. Lớp trưởng lớp môn học giúp giảng viên theo dõi việc học tập của sinh viên. Tinh thần, thái độ và kết quả học tập của sinh viên theo lớp môn học được kết hợp với kết quả rèn luyện theo lớp khóa học để thống nhất quản lý, đánh giá sinh viên. Kết quả này được chuyển cho giáo viên chủ nhiệm lớp, cán sự lớp khóa học, tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và chi bộ sinh viên.

Tên lớp môn học được gọi theo mã môn học. Trường hợp một môn học có nhiều lớp môn học, tên lớp môn học bổ sung số thứ tự lớp môn học. Trường hợp một môn học có nhiều đơn vị đào tạo tổ chức giảng dạy, tên lớp môn học được bổ sung mã đơn vị.

Điều 28. Đăng ký môn học

1. Số tín chỉ đăng ký học trong mỗi học kỳ (không bao gồm các môn học giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng – an ninh, kỹ năng mềm, cải thiện điểm, tự chọn tự do)

a) Đối với học kỳ chính

- Chương trình đào tạo chuẩn: Tối thiểu 14 tín chỉ

- Chương trình đào tạo chất lượng cao: Tối thiểu 16 tín chỉ

- Chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc tế: Tối thiểu 16 tín chỉ

- Chương trình đào tạo tài năng: Tối thiểu 18 tín chỉ

- Chương trình đào tạo chuẩn theo hình thức vừa làm vừa học và các chương trình đào tạo còn lại: Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định.

Trường hợp sinh viên có nguyện vọng đăng ký học ít hơn số tín chỉ tối thiểu trong một học kỳ phải được sự đồng ý của Thủ trưởng đơn vị đào tạo.

b) Đối với học kỳ phụ: Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định.

2. Đăng ký môn học

a) Việc tổ chức đăng ký học các môn học trong chương trình đào tạo do thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định tùy theo khả năng và điều kiện cụ thể của đơn vị mình. Sinh viên được đăng ký học và thi các môn học trong chương trình đào tạo do bất kỳ một đơn vị đào tạo nào thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức giảng dạy. Kết quả các môn học này được chuyển đổi và được thừa nhận ở tất cả các đơn vị đào tạo trong Đại học Quốc gia Hà Nội;

b) Các đơn vị đào tạo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản và trên trang web của đơn vị và của Đại học Quốc gia Hà Nội kế hoạch giảng dạy, thời khóa biểu của các môn học trước thời gian đăng ký học để sinh viên trong và ngoài Đại học Quốc gia Hà Nội biết, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho sinh viên của đơn vị khác đăng ký môn học, chuyển dữ liệu đăng ký môn học, dữ liệu điểm môn học của sinh viên tới đơn vị đào tạo quản lý sinh viên ngay sau khi kết thúc thời gian đăng ký học và kết thúc việc chấm thi;

c) Tất cả các đơn vị đào tạo sử dụng thống nhất trong toàn Đại học Quốc gia Hà Nội phần mềm và cơ sở dữ liệu quản lý đào tạo, quản lý người học;

d) Khi đăng ký học các môn học tự chọn, sinh viên phải xác định rõ môn học tự chọn có điều kiện hay môn học tự chọn tự do. Những môn học tự chọn tự do đạt điểm D trở lên được ghi trong bảng điểm nhưng không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.

3. Thời gian đăng ký môn học

a) Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập, sinh viên tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để đăng ký các môn học dự định sẽ học trong học kỳ đó;

b) Chậm nhất 1 tháng trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, sinh viên phải hoàn thành đăng ký các môn học;

c) Trong 2 tuần đầu của học kỳ chính hoặc trong 1 tuần đầu của học kỳ phụ, sinh viên được phép đăng ký những môn học muốn học thêm hoặc đăng ký đổi sang lớp môn học khác.

4. Đăng ký học lại

a) Đối với các môn học bắt buộc, nếu bị điểm F, sinh viên phải đăng ký học lại môn học đó;

b) Đối với môn học tự chọn có điều kiện, nếu bị điểm F, sinh viên đăng ký học lại môn học đó hoặc đăng ký học môn học tự chọn khác cùng khối kiến thức để thay thế.

5. Đăng ký học cải thiện điểm

Đối với các môn học đạt điểm D trở lên, sinh viên được đăng ký học lại môn học đó hoặc học đổi sang môn học khác (nếu là môn học tự chọn có điều kiện) để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy. Điểm môn học cũ bị hủy bỏ khi việc đăng ký học lại để cải thiện điểm được chấp nhận và sẽ được thay bằng điểm môn học để cải thiện điểm. Sinh viên chỉ được đăng ký học cải thiện điểm một lần cho mỗi môn học.

6. Môn học được bảo lưu, môn học tương đương

Các môn học có cùng nội dung, thời lượng mà sinh viên chuyển trường trong và ngoài Đại học Quốc gia Hà Nội, sinh viên học văn bằng thứ hai, đi học một học kỳ hoặc một năm tại trường đại học nước ngoài có uy tín đã tích lũy sẽ được tất cả các đơn vị đào tạo thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội thừa nhận. Các môn học khác, căn cứ chương trình đào tạo và nội dung đào tạo thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định bảo lưu hoặc tương đương và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội. Điểm và số tín chỉ của các môn học được bảo lưu hoặc tương đương được công nhận và chuyển đổi để lập hồ sơ sinh viên trước khi bắt đầu thực hiện kế hoạch học tập theo chương trình đào tạo mới. Trong thời hạn đăng ký môn học, sinh viên không phải đăng ký môn học được bảo lưu hoặc tương đương, chỉ cần đăng ký những môn học không được bảo lưu trong chương trình đào tạo.

7. Kết quả đăng ký môn học

Đơn vị đào tạo thông báo kết quả đăng ký môn học cho sinh viên khi sinh viên đã hoàn thành việc đăng ký đảm bảo khối lượng học tập tối thiểu của học kỳ quy định tại khoản 1, Điều 28 của Quy chế này. Kết quả đăng ký bao gồm số môn học trong học kỳ; tên, số tín chỉ, tên lớp môn học, tiết học, phòng học của từng môn học; số tiền học phí phải nộp và xác nhận những môn học được bảo lưu, tương đương (nếu có).

Kết quả đăng ký môn học chỉ được chấp nhận sau khi sinh viên hoàn thành nộp học phí.

8. Đăng ký nhận đề tài khoá luận hoặc đồ án tốt nghiệp

a) Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định:

- Điều kiện được đăng ký, hình thức và thời gian làm khoá luận hoặc đồ án tốt nghiệp;

- Số lượng khoá luận, đồ án tốt nghiệp tối đa do một giảng viên hướng dẫn trong cùng một thời gian;

- Nhiệm vụ của cán bộ hướng dẫn, trách nhiệm của bộ môn đối với sinh viên trong thời gian làm khoá luận, đồ án tốt nghiệp;

- Hình thức, quy trình chấm khoá luận, đồ án tốt nghiệp.

b) Chủ nhiệm khoa (hoặc chủ nhiệm khoa trực thuộc) phân công cán bộ hướng dẫn khoá luận, đồ án tốt nghiệp theo đề nghị của chủ nhiệm bộ môn. Đề tài khoá luận, đồ án tốt nghiệp do cán bộ hướng dẫn xác định, đăng ký và thông qua ở bộ môn. Những đề tài có tính chất liên chuyên ngành phải được chủ nhiệm khoa (hoặc chủ nhiệm khoa trực thuộc) thông qua trước khi giao cho sinh viên thực hiện;

c) Sinh viên đăng ký nhận đề tài khoá luận hoặc đồ án tốt nghiệp được tiến hành theo quy trình như đăng ký những môn học khác;

d) Sinh viên không đủ điều kiện làm khoá luận hoặc đồ án tốt nghiệp sẽ đăng ký học các môn học thay thế do thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định. Các môn học thay thế cho khoá luận hoặc đồ án tốt nghiệp được tổ chức đào tạo, kiểm tra đánh giá như các môn học khác.

Điều 29. Rút bớt môn học đã đăng ký

1. Việc rút bớt môn học áp dụng cho các trường hợp:

a) Theo nhu cầu và khả năng lựa chọn của sinh viên;

b) Trường hợp hạng học lực của sinh viên được xác định vào thời điểm sau khi sinh viên đã đăng ký môn học, sinh viên phải rút bớt môn học trong giới hạn khối lượng quy định;

c) Trường hợp điểm trung bình chung học kỳ dưới 2,00 nhưng chưa thuộc diện bị buộc thôi học hay tạm dừng học tập, sinh viên bắt buộc phải rút bớt môn học trong khối lượng học tập đã đăng ký nhưng không được thấp hơn 10 tín chỉ trong học kỳ. Những môn học rút bớt được trả lại học phí.

2. Việc rút bớt môn học trong khối lượng học tập đã đăng ký theo nhu cầu và khả năng lựa chọn của sinh viên chỉ được chấp nhận chậm nhất 4 tuần kể từ đầu học kỳ chính, 2 tuần kể từ đầu học kỳ phụ và được trả lại học phí. Ngoài thời hạn trên, môn học vẫn được giữ nguyên trong phiếu đăng ký học, nếu sinh viên không học sẽ phải nhận điểm F và không được trả lại học phí.

3. Điều kiện rút bớt các môn học đã đăng ký:

a) Sinh viên phải tự viết đơn gửi phòng đào tạo;

b) Được Thủ trưởng đơn vị đào tạo chấp nhận;

c) Không vi phạm quy định tại khoản 1, Điều 28 của Quy chế này.

Sinh viên chỉ được phép không lên lớp đối với môn học xin rút bớt sau khi giảng viên phụ trách môn học nhận được giấy báo của phòng đào tạo.

Điều 30. Miễn và tạm hoãn học các môn học giáo dục quốc phòng - an ninh, giáo dục thể chất

1. Miễn, tạm hoãn học các môn học giáo dục quốc phòng - an ninh

a) Đối tượng được miễn học toàn bộ chương trình

- Sinh viên có bằng tốt nghiệp sĩ quan quân đội;

- Sinh viên là người nước ngoài;

- Sinh viên đào tạo đại học văn bằng thứ 2 đã có chứng chỉ giáo dục quốc phòng - an ninh do cơ sở giáo dục đại học cấp.

b) Đối tượng được miễn học và miễn thi các nội dung đã học

- Sinh viên chuyển cơ sở đào tạo được miễn học các nội dung đã học nhưng phải có điểm đánh giá kết quả học tập các nội dung tương ứng;

- Sinh viên đã có bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng được miễn học và miễn thi các nội dung đã học.

c) Đối tượng được miễn học các nội dung thực hành kỹ năng quân sự

- Sinh viên là tu sỹ thuộc các tôn giáo;

- Sinh viên có thương tật, khuyết tật bẩm sinh, bị bệnh mãn tính làm hạn chế chức năng vận động có giấy chứng nhận của bệnh viện cấp huyện và tương đương trở lên;

- Sinh viên đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự được miễn học nội dung thực hành kỹ năng quân sự nhưng phải dự kiểm tra, thi đủ nội dung theo quy định.

d) Đối tượng được tạm hoãn học

- Sinh viên bị ốm đau, tai nạn, thiên tai, hỏa hoạn;

- Nữ sinh viên đang mang thai hoặc có con nhỏ dưới 24 tháng tuổi;

Các đối tượng trên nếu được thủ trưởng đơn vị đào tạo chấp thuận cho tạm hoãn học các môn học giáo dục quốc phòng - an ninh thì sau khi hết thời hạn tạm hoãn phải tiếp tục học những nội dung còn thiếu theo quy định.

2. Miễn, tạm hoãn học các môn học giáo dục thể chất

a) Đối tượng được miễn học toàn bộ các môn học giáo dục thể chất

Sinh viên đã hoàn thành các môn học giáo dục thể chất phù hợp với trình độ đào tạo.

b) Đối tượng được miễn học các nội dung thực hành

Sinh viên có thương tật, dị tật bẩm sinh làm hạn chế chức năng vận động (có giấy chứng nhận của bệnh viện cấp huyện và tương đương trở lên) được miễn học các nội dung thực hành hoặc có thể lựa chọn các môn học giáo dục thể chất đặc thù dành cho người khuyết tật.

c) Đối tượng được tạm hoãn học các môn học giáo dục thể chất

- Sinh viên đang học nhưng sức khỏe không đảm bảo;
- Sinh viên đang mang thai, nuôi con nhỏ dưới 24 tháng tuổi.

Các đối tượng trên nếu được thủ trưởng đơn vị đào tạo chấp thuận cho tạm hoãn học các môn học về giáo dục thể chất thì sau khi hết thời hạn tạm hoãn phải tiếp tục học những nội dung còn thiếu trong chương trình quy định.

Điều 31. Đào tạo văn bằng thứ hai

Đào tạo văn bằng thứ hai theo hình thức chính quy dành cho người đã có bằng đại học chính quy. Đào tạo văn bằng thứ hai theo hình thức vừa làm vừa học dành cho người đã có bằng đại học chính quy hoặc bằng đại học vừa làm vừa học.

Chương trình đào tạo văn bằng thứ hai được xác định cho người học theo nguyên tắc: người học được bảo lưu kết quả học tập đối với những môn học trong chương trình đào tạo ngành học thứ nhất có từ 80% trở lên nội dung trùng với nội dung môn học trong chương trình đào tạo của ngành học mới và điểm môn học đạt từ điểm D trở lên; những môn học có nội dung trùng từ 50% đến cận 80% thì không được bảo lưu kết quả học tập nhưng có thể tự học và dự thi để lấy điểm; những môn học chưa học hoặc có nội dung trùng dưới 50% thì người học phải dự học mới được dự thi theo quy định chung.

Căn cứ kết quả học tập trên bảng điểm kèm theo bằng tốt nghiệp đại học thứ nhất, thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định việc bảo lưu kết quả học tập, khối lượng kiến thức, các môn học và nội dung phải học bổ sung đối với từng sinh viên.

Điều 32. Đào tạo bằng kép (học đồng thời hai chương trình đào tạo)

1. Sinh viên đang học tập tại các đơn vị đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội được đăng ký học bằng kép nếu có đủ các điều kiện sau:

a) Đang học từ học kỳ thứ ba đến học kỳ thứ bảy chương trình đào tạo thứ nhất của chương trình đào tạo bằng kép;

b) Điểm trung bình chung học kỳ tính đến thời điểm đăng ký học bằng kép đạt từ 2,00 trở lên;

c) Sinh viên có đơn xin học bằng kép và tự nguyện đóng kinh phí đào tạo theo quy định của đơn vị đào tạo;

d) Được Thủ trưởng đơn vị đào tạo quản lý sinh viên đồng ý.

2. Sinh viên đang học tại một trường đại học công lập trên địa bàn Hà Nội được đăng ký học bằng kép ở Đại học Quốc gia Hà Nội nếu có đủ các điều kiện

quy định tại khoản 1, Điều 32 (trừ mục b) của Quy chế này và có thêm các điều kiện sau:

a) Kết quả thi tuyển sinh đại học chính quy phải đạt điểm trúng tuyển cùng khối thi, cùng năm tuyển sinh với ngành học xin đăng ký học;

b) Điểm trung bình chung học kỳ tính đến thời điểm đăng ký học bằng kép đạt từ 2,50 trở lên.

3. Căn cứ chỉ tiêu đào tạo bằng kép đã được Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội giao hàng năm, Thủ trưởng đơn vị đào tạo tổ chức thi tuyển sinh theo quy định tại mục c, khoản 1, Điều 18 của Quy chế này và ký quyết định công nhận trúng tuyển cho sinh viên được học bằng kép.

4. Sinh viên phải dừng học chương trình đào tạo thứ hai ở học kỳ tiếp theo nếu kết thúc học kỳ đó bị xếp loại học lực yếu đối với một trong hai chương trình đào tạo.

5. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình đào tạo thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp chương trình đào tạo thứ nhất.

Điều 33. Chuyển đổi sinh viên giữa các chương trình đào tạo

1. Chuyển đổi sinh viên học chương trình đào tạo tài năng, chất lượng cao sang học chương trình đào tạo chuẩn chính quy của ngành học tương ứng.

a) Sinh viên học chương trình đào tạo tài năng, chất lượng cao chưa bị buộc thôi học phải chuyển sang học chương trình đào tạo chuẩn chính quy của ngành học tương ứng nếu vi phạm một trong các trường hợp sau:

- Có một môn học nâng cao, bổ sung đạt dưới điểm D;
- Có điểm trung bình chung học kỳ tính đến thời điểm xét đạt dưới 2,50;
- Đã bị kỷ luật trong thời gian học từ mức khiển trách trở lên.

b) Khi chuyển sang học chương trình đào tạo chuẩn chính quy, các môn học nâng cao, bổ sung được chuyển đổi như sau:

- Đối với môn học nâng cao, điểm môn học được giữ nguyên, số tín chỉ được quy đổi theo chương trình đào tạo chuẩn;

- Đối với môn học bổ sung, Thủ trưởng đơn vị đào tạo xem xét cho phép thay thế bằng môn học khác trong chương trình đào tạo chuẩn hoặc coi đó là môn học tự chọn tự do.

2. Sinh viên học chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc tế thuộc diện chưa bị buộc thôi học, nếu vi phạm một trong các trường hợp dưới đây sẽ được xem xét chuyển sang học chương trình đào tạo chuẩn chính quy của ngành học khác nếu kết quả thi đại học bằng hoặc lớn hơn điểm chuẩn của ngành học đó ở cùng năm tuyển sinh và cùng khối thi:

- a) Có điểm trung bình chung học kỳ tính đến thời điểm xét đạt dưới 2,50;
- b) Đã bị kỷ luật trong thời gian học từ mức khiển trách trở lên.

Cách thức chuyển ngành học và chuyển kết quả học tập cho các sinh viên này do Thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định.

3. Không chuyển đổi sinh viên đang học chương trình đào tạo liên kết quốc tế sang học chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc tế. Không xét tuyển bổ sung sinh viên vào học chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc tế khi khóa học đã chính thức bắt đầu. Trường hợp đặc biệt do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định.

4. Bổ sung sinh viên học chương trình đào tạo chuẩn chính quy vào học chương trình đào tạo tài năng, chất lượng cao tương ứng.

a) Căn cứ chỉ tiêu đào tạo đã công bố, Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định phương thức xét tuyển bổ sung sinh viên vào học chương trình đào tạo tài năng. Chỉ xét tuyển bổ sung vào học kỳ 1 năm thứ hai những sinh viên có đủ các điều kiện sau:

- Tư cách đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật tốt;
- Ngành học phù hợp;
- Điểm trung bình chung học kỳ tính đến thời điểm xét đạt từ 3,20 trở lên hoặc điểm trung bình chung học kỳ tính đến thời điểm xét đạt từ 3,00 trở lên, trong đó điểm tiếng Anh đạt chuẩn C1;
- Điểm các môn học tương ứng với môn học nâng cao trong chương trình đào tạo tài năng phải đạt từ B trở lên.

b) Căn cứ chỉ tiêu đào tạo đã công bố, Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định phương thức xét tuyển bổ sung sinh viên vào học chương trình đào tạo chất lượng cao. Chỉ xét tuyển bổ sung vào học kỳ 1 năm thứ hai những sinh viên có đủ các điều kiện sau:

- Tư cách đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật tốt;
- Ngành học phù hợp;
- Điểm trung bình chung học kỳ tính đến thời điểm xét đạt từ 3,20 trở lên hoặc điểm trung bình chung học tập tính đến thời điểm xét đạt từ 3,00 trở lên, trong đó điểm tiếng Anh đạt chuẩn B2.

c) Đối với việc chuyển đổi điểm môn học trong chương trình đào tạo chuẩn sang điểm môn học nâng cao tương ứng, Thủ trưởng đơn vị đào tạo xem xét công nhận tương đương hoặc yêu cầu học bổ sung kiến thức.

Điều 34. Chuyển trường

1. Sinh viên được chuyển đi học tại cơ sở đào tạo đại học khác ngoài Đại học Quốc gia Hà Nội khi được sự đồng ý của Thủ trưởng đơn vị đào tạo.

2. Sinh viên đang học tại một trường đại học công lập ngoài Đại học Quốc gia Hà Nội được chuyển về học tại Đại học Quốc gia Hà Nội nếu có đủ các điều kiện sau:

- a) Sinh viên có nguyện vọng chuyển về học tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

- b) Kết quả thi tuyển sinh đại học chính quy đạt điểm trúng tuyển cùng khối thi, cùng năm tuyển sinh với ngành học xin chuyển đến;
- c) Có đủ sức khỏe để học tập;
- d) Có tư cách đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- e) Không thuộc diện bị buộc thôi học và có điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,50 trở lên;
- f) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường đại học xin chuyển đi;
- g) Tham dự kiểm tra kiến thức và đạt điểm theo quy định của đơn vị đào tạo tiếp nhận.

3. Các trường hợp đặc cách chuyển về học tại Đại học Quốc gia Hà Nội

a) Sinh viên đã từng là thành viên đội tuyển quốc gia tham dự kỳ thi Olympic quốc tế hoặc đạt giải chính thức trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia lớp 12 về môn học phù hợp với ngành học và có đủ các điều kiện quy định tại các mục c, d, f, g, khoản 2, Điều 34 của Quy chế này;

b) Sinh viên các trường đại học công lập có điểm trung bình chung học kỳ của những học kỳ trước đạt từ 3,20 trở lên, có thành tích tốt trong nghiên cứu khoa học và có đủ các điều kiện quy định tại các mục b, c, d, f, g, khoản 2, Điều 34 của Quy chế này.

4. Sinh viên là người nước ngoài hoặc sinh viên Việt Nam đang học tại một cơ sở đào tạo đại học ở nước ngoài đã được kiểm định chất lượng và có uy tín có thể được xét để chuyển về học tại Đại học Quốc gia Hà Nội khi có đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 (trừ mục b), Điều 34 của Quy chế này và phải nộp đầy đủ hồ sơ sinh viên (bản chính) khi làm thủ tục chuyển trường.

Các điều kiện về trình độ tiếng Việt hoặc ngoại ngữ liên quan áp dụng quy định tại mục b, khoản 2, Điều 20 của Quy chế này.

Sinh viên chuyển trường được bảo lưu điểm và số tín chỉ của môn học theo quy định tại khoản 6, Điều 28 và được miễn học, miễn thi các môn học giáo dục quốc phòng - an ninh, giáo dục thể chất theo quy định tại Điều 30 của Quy chế này.

5. Sinh viên của trường đại học nước ngoài tham gia chương trình trao đổi sinh viên với Đại học Quốc gia Hà Nội hoặc thực tập sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo gửi trực tiếp đến Đại học Quốc gia Hà Nội, khi hoàn thành chương trình sẽ được cấp chứng nhận về điểm và số tín chỉ của các môn học đã đạt được trong thời gian học tại Đại học Quốc gia Hà Nội.

6. Sinh viên không được xem xét chuyển về học tại Đại học Quốc gia Hà Nội nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Đang là sinh viên năm thứ nhất hoặc năm cuối của khóa học;
- b) Đang chịu mức kỷ luật từ cảnh cáo trở lên;

c) Không có đủ các điều kiện được quy định tại các khoản 2, 3, 4, Điều 34 của Quy chế này.

Chương V

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN

Điều 35. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

Nghiên cứu khoa học của sinh viên là hoạt động quan trọng, cần thiết trong quá trình đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và năng lực sáng tạo của sinh viên;

Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên được tổ chức dưới các hình thức sau:

- Tham gia câu lạc bộ khoa học sinh viên, xêmina chuyên đề khoa học, báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học; công bố các bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành;

- Tham gia khảo sát thực địa, thực nghiệm khoa học, thực hiện khóa luận, đồ án tốt nghiệp, đề tài nghiên cứu, triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học vào thực tế.

Điều 36. Tổ chức và quản lý công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên

Công tác tổ chức và quản lý nghiên cứu khoa học của sinh viên được phân công như sau:

1. Cấp đơn vị đào tạo

a) Xây dựng kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong nhiệm vụ năm học của đơn vị;

b) Triển khai nghiên cứu khoa học của sinh viên gắn với các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và các hoạt động khoa học khác của đơn vị. Tạo điều kiện để sinh viên từ năm thứ hai trở đi được tham gia nghiên cứu khoa học, sinh viên từ năm thứ 3 trở đi có thể trở thành thành viên của các nhóm nghiên cứu và tham gia thực hiện các hoạt động khoa học công nghệ. Trong đề cương thuyết minh của đề tài nghiên cứu khoa học cần có dự trù tối thiểu là 15% phần kinh phí khoán chi của đề tài cho sinh viên có năng lực thực hiện một số nội dung của đề tài;

c) Tổ chức hội nghị khoa học sinh viên, đánh giá, xếp loại, khen thưởng công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên.

d) Thành lập các câu lạc bộ khoa học sinh viên, tổ chức xêmina chuyên đề khoa học, ...

2. Nhiệm vụ của giảng viên

Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học theo phân công của khoa trong kế hoạch giảng dạy hàng năm. Giảng viên hướng dẫn sinh viên năm thứ ba trở

xuống thực hiện một công trình nghiên cứu khoa học được tính tối đa 10 giờ chuẩn.

3. Cấp Đại học Quốc gia Hà Nội

Tổ chức xét trao giải thưởng cho các công trình nghiên cứu khoa học xuất sắc của sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 37. Điểm thưởng thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên

1. Điểm thưởng cho những công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên đạt giải được cộng vào điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung tích lũy để làm căn cứ xét học bổng, xét chuyên tiếp vào học ở bậc sau đại học và các quyền lợi khác, không dùng để xếp loại học lực hoặc xác định hạng tốt nghiệp.

2. Mức điểm thưởng được quy định như sau:

a) Đạt giải thưởng cấp Đại học Quốc gia Hà Nội hoặc cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo:

Giải nhất:	0,20 điểm
Giải nhì:	0,15 điểm
Giải ba:	0,10 điểm
Giải khuyến khích:	0,07 điểm

b) Đạt giải thưởng cấp đơn vị đào tạo:

Giải nhất:	0,10 điểm
Giải nhì:	0,07 điểm
Giải ba:	0,05 điểm

Nếu công trình nghiên cứu khoa học do nhiều sinh viên cùng thực hiện thì điểm thưởng được chia đều cho số sinh viên cùng tham gia.

3. Nếu sinh viên đạt nhiều giải thưởng nghiên cứu khoa học ở các cấp (đơn vị đào tạo, Đại học Quốc gia Hà Nội hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo...) thì chỉ được cộng điểm thưởng một lần ở mức giải cao nhất.

4. Công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên năm thứ ba trở xuống được coi là một niên luận hoặc tiểu luận; được thay cho một môn học tự chọn có điều kiện thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nghiệp vụ; được tích lũy vào kết quả học tập chung của học kỳ; được tính đến khi xét học bổng, xét học tiếp sau đại học và các quyền lợi khác nếu có đủ các điều kiện sau:

a) Được Hội đồng cấp khoa đánh giá cho điểm (quy về thang điểm 10) và quy định thay cho môn học nào trong chương trình đào tạo của ngành học; Nếu công trình nghiên cứu khoa học do nhiều sinh viên cùng thực hiện thì sinh viên được hưởng quyền lợi như nhau;

b) Sinh viên có nguyện vọng.

Chương VI

GIẢNG VIÊN VÀ CỔ VẤN HỌC TẬP

Điều 38. Giảng viên

1. Trách nhiệm và quyền hạn của giảng viên

a) Thực hiện nhiệm vụ của công chức, viên chức theo quy định của Luật Giáo dục, Luật cán bộ, công chức và pháp luật có liên quan; Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học; Tham gia quản lý đơn vị đào tạo, tham gia công tác Đảng, đoàn thể khi được tin nhiệm và các công tác khác được trường, khoa, bộ môn giao;

b) Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy chế, quy định của đơn vị đào tạo và của Đại học Quốc gia Hà Nội;

c) Giảng dạy, kiểm tra, đánh giá môn học một cách khách quan, chính xác theo đúng đề cương môn học và kế hoạch giảng dạy đã được ban hành;

d) Vận dụng linh hoạt và thường xuyên cải tiến phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá để đảm bảo truyền thụ cho sinh viên phương pháp luận, phát triển năng lực nhận thức, năng lực sáng tạo, kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm; rèn luyện cho sinh viên phương pháp tự học, tư duy sáng tạo và đạo đức nghề nghiệp;

e) Tham gia quản lý giờ học của sinh viên trên lớp, trong studio, phòng thí nghiệm hoặc trên thực địa và hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu, bao gồm:

- Xác định và giao các vấn đề, nội dung, yêu cầu để sinh viên hoặc nhóm sinh viên chuẩn bị cho nghe giảng và thảo luận trên lớp, thực hành, thí nghiệm; Xác định và giao các nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên hoặc nhóm sinh viên;

- Hướng dẫn, nhận xét sinh viên thảo luận, làm thực hành, thực tập, thí nghiệm. Cung cấp hoặc giới thiệu địa chỉ tìm tài liệu tham khảo cho sinh viên đọc, nghiên cứu;

- Theo dõi và kiểm tra đánh giá sinh viên nghe giảng, thảo luận trên lớp, thực hành, thực tập, thí nghiệm, làm việc theo nhóm, tự học, tự nghiên cứu để tích hợp vào kết quả đánh giá cuối cùng của môn học. Biên soạn đề kiểm tra và các tiêu chí đánh giá;

f) Tham gia xây dựng chương trình đào tạo, xây dựng đề cương môn học, giáo trình, tài liệu phục vụ dạy – học;

g) Nghiên cứu khoa học, vận dụng kết quả nghiên cứu vào giảng dạy và ứng dụng thực tiễn. Hỗ trợ sinh viên tìm kiếm việc làm phù hợp chuyên môn;

h) Thực hiện nhiệm vụ khác do thủ trưởng đơn vị đào tạo giao.

2. Quyền lợi của giảng viên

a) Được hưởng các quyền lợi chung và ưu đãi do Nhà nước quy định, các chế độ bồi dưỡng, thù lao theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị;

b) Sau mỗi 3 năm giảng dạy, giảng viên được miễn giảng dạy 1 học kỳ để tập trung nghiên cứu khoa học và tu nghiệp nâng cao trình độ chuyên môn trong nước hoặc nước ngoài. Đơn vị đào tạo có kế hoạch, tạo điều kiện về thời gian và hỗ trợ một phần kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cho giảng viên;

c) Ngoài các quyền lợi chung, giảng viên tham gia đào tạo tài năng, chất lượng cao, chương trình đạt chuẩn quốc tế được hưởng các quyền lợi sau:

- Được hưởng chế độ bồi dưỡng ưu đãi đối với công tác giảng dạy, hướng dẫn học tập, nghiên cứu khoa học của các chương trình đào tạo này;

- Được ưu tiên sử dụng trang thiết bị phòng thí nghiệm, cơ sở vật chất kỹ thuật, tư liệu khoa học, thư viện, VNU-net để phục vụ công tác đào tạo;

- Được ưu tiên tạo điều kiện thực tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn ở trong và ngoài nước;

- Được hỗ trợ tạo điều kiện áp dụng các phương pháp và công nghệ dạy học tiên tiến phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 39: Cố vấn học tập

Cố vấn học tập là giảng viên có trình độ thạc sỹ trở lên, có ít nhất 2 năm trực tiếp giảng dạy, am hiểu chương trình đào tạo và được Chủ nhiệm khoa phân công.

1. Trách nhiệm của cố vấn học tập

a) Tham gia phát hiện năng lực, sở trường của người học để định hướng nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học, xây dựng kế hoạch học tập; hỗ trợ điều kiện để phát triển năng lực, sở trường đó;

b) Tìm hiểu chương trình đào tạo, hướng dẫn sinh viên xây dựng kế hoạch học tập, lựa chọn đăng ký các môn học trong chương trình đào tạo của ngành học và các môn học bổ trợ của các ngành học tại đơn vị đào tạo hoặc ở các đơn vị đào tạo khác trong Đại học Quốc gia Hà Nội phù hợp với điều kiện học tập của sinh viên và mục tiêu, yêu cầu của chương trình đào tạo;

c) Hướng dẫn phương pháp học tập, nghiên cứu khoa học, phát triển kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm cho sinh viên; thường xuyên theo dõi kết quả học tập của sinh viên;

d) Giúp đỡ sinh viên giải quyết những khó khăn vướng mắc trong học tập. Nhắc nhở sinh viên khi thấy kết quả học tập của sinh viên giảm sút;

e) Phối hợp với các giảng viên, các đơn vị công tác liên quan, nhất là phòng Chính trị và công tác sinh viên và phòng Đào tạo để giúp đỡ và tạo điều kiện cho sinh viên học tập, đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên.

2. Quyền lợi của cố vấn học tập

- a) Được giảm số giờ dạy định mức, hưởng phụ cấp theo quy định;
- b) Được bố trí thời gian tham gia khóa tập huấn nghiệp vụ cố vấn học tập.

Chương VII

NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN LỢI CỦA SINH VIÊN

Điều 40. Nghĩa vụ của sinh viên

1. Thực hiện nhiệm vụ của công dân theo quy định của pháp luật. Người học là người nước ngoài phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, tôn trọng phong tục, tập quán của Việt Nam.

2. Tham gia hoạt động xã hội, bảo vệ môi trường và phòng chống các tệ nạn xã hội.

3. Tìm hiểu và thực hiện nghiêm chỉnh quy chế, quy định về đào tạo, về công tác học sinh, sinh viên và các quy định khác liên quan tới sinh viên.

4. Có ý thức xây dựng, gìn giữ, bảo vệ và phát huy thương hiệu của Đại học Quốc gia Hà Nội và các đơn vị đào tạo.

5. Tôn trọng giảng viên, cán bộ, nhân viên của Đại học Quốc gia Hà Nội. Đoàn kết, giúp đỡ, tương trợ lẫn nhau trong học tập và rèn luyện, thực hiện tốt nếp sống văn minh. Tích cực tham gia các phong trào, các cuộc vận động về chính trị, tư tưởng, đạo đức của ngành giáo dục và của Đại học Quốc gia Hà Nội.

6. Có trách nhiệm khai báo các thông tin liên quan đến cá nhân, cập nhật dữ liệu khi có những thay đổi trong quá trình học tập và sau khi tốt nghiệp theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

7. Thực hiện các yêu cầu của môn học. Đóng học phí theo quy định.

8. Trung thực trong học tập và rèn luyện. Tích cực tham gia phòng chống, phát hiện và báo cáo với đơn vị đào tạo những hành vi tiêu cực, gian lận trong học tập, nghiên cứu khoa học, thi cử và các hoạt động khác của sinh viên.

9. Các hành vi sinh viên không được làm: vi phạm kỷ luật phòng thi, xin điểm; học, thi, thực tập hộ người khác hoặc nhờ người khác học, thi, thực tập hộ; sao chép tài liệu mà không trích dẫn hoặc nhờ làm hộ tiểu luận, khóa luận, đồ án tốt nghiệp, công trình nghiên cứu khoa học và các hành vi gian lận khác, tham gia các hoạt động trái pháp luật.

Sinh viên không trung thực và có hành vi gian lận trong nghiên cứu khoa học, làm tiểu luận, khóa luận, đồ án tốt nghiệp, bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập một năm đến mức buộc thôi học.

10. Sinh viên có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định về kỷ luật phòng thi, nếu vi phạm sẽ bị kỷ luật ở các mức sau:

a) Khiển trách: áp dụng đối với sinh viên phạm lỗi 1 lần nhìn bài của người khác, trao đổi bài, thảo luận bài trong giờ thi. Sinh viên bị khiển trách trong khi thi môn học nào bị trừ 25% số điểm đạt được của bài thi môn học đó;

b) Cảnh cáo: áp dụng đối với sinh viên vi phạm một trong các lỗi:

- Đã bị khiển trách 1 lần nhưng trong giờ thi môn học đó vẫn tiếp tục vi phạm quy định;

- Trao đổi bài làm, giấy nháp với người khác;

- Chép bài của người khác. Những bài thi đã có kết luận là giống nhau thì xử lý như nhau trừ trường hợp nếu người bị xử lý có đủ bằng chứng chứng tỏ mình thực sự bị quay cóp thì thủ trưởng đơn vị đào tạo có thể xem xét giảm từ mức kỷ luật cảnh cáo xuống mức khiển trách.

Sinh viên bị cảnh cáo trong khi thi môn học nào sẽ bị trừ 50% số điểm đạt được của bài thi môn học đó.

c) Đình chỉ thi: áp dụng đối với sinh viên vi phạm một trong các lỗi:

- Đã bị cảnh cáo một lần nhưng trong giờ thi môn học đó vẫn tiếp tục vi phạm quy định;

- Sau khi đã bóc đề thi bị phát hiện mang theo những vật dụng không được phép như tài liệu, phương tiện kỹ thuật thu phát truyền tin ...;

- Đưa đề thi ra ngoài hoặc nhận bài giải từ ngoài vào phòng thi.

Sinh viên bị kỷ luật đình chỉ thi sẽ bị điểm không (0) bài thi môn học đó và phải ra khỏi phòng thi ngay sau khi có quyết định đình chỉ thi.

Các hình thức kỷ luật nói trên do cán bộ coi thi lập biên bản, thu tang vật và ghi rõ hình thức kỷ luật.

d) Sinh viên thi hộ hoặc nhờ người thi hộ bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 1 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

Điều 41. Quyền lợi của sinh viên

1. Được nhận vào học đúng ngành đã đăng ký dự tuyển khi trúng tuyển;

2. Được nhà trường tôn trọng và đối xử bình đẳng. Được phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy chế, quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và của đơn vị đào tạo liên quan đến sinh viên.

3. Được cung cấp đầy đủ chương trình, kế hoạch đào tạo của khóa học, năm học, học kỳ và môn học.

4. Được hưởng các chế độ theo quy định của pháp luật đối với sinh viên; được tạo điều kiện trong học tập, tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ, tham gia các hội nghị khoa học, công bố các công trình khoa học và công nghệ trong các ấn phẩm của đơn vị đào tạo;

5. Người học thuộc diện cử tuyển, con em các dân tộc ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, diện chính sách xã hội và các gia đình nghèo được cấp học bổng, trợ cấp, miễn giảm học phí, được hưởng các chính sách ưu đãi từ tín dụng giáo dục, quỹ khuyến học và quỹ bảo trợ giáo dục theo quy định của pháp luật.

6. Được cố vấn học tập tư vấn và hướng dẫn xây dựng kế hoạch học tập, lựa chọn đăng ký các môn học, phương pháp học tập, nghiên cứu khoa học, phát triển kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm.

7. Được đăng ký môn học, lịch học phù hợp với điều kiện cá nhân trên cơ sở thời khóa biểu của đơn vị đào tạo. Được rút bớt một số môn học đã đăng ký, nhưng không vi phạm quy định tại khoản 1, Điều 28 của Quy chế này.

8. Được tham gia các cuộc thi Olympic hoặc năng khiếu, tham gia các diễn đàn, câu lạc bộ chuyên ngành dành cho sinh viên.

9. Được tham gia các chương trình đào tạo tài năng, đạt chuẩn quốc tế, chất lượng cao và các chương trình đào tạo khác nếu đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn theo quy định.

10. Được đăng ký học bằng kép nếu đáp ứng quy định tại khoản 2, Điều 32 của Quy chế này.

11. Được chuyển đến các trường đại học khác ngoài Đại học Quốc gia Hà Nội nếu đáp ứng quy định tại khoản 1, Điều 34 của Quy chế này.

12. Được tự học hoặc học tại một cơ sở đào tạo đại học khác trong hoặc ngoài Đại học Quốc gia Hà Nội một số môn học trong chương trình đào tạo nếu được thủ trưởng đơn vị đào tạo cho phép.

13. Được đăng ký dự tuyển đi học ở nước ngoài theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Đại học Quốc gia Hà Nội; được tham gia các hoạt động giao lưu quốc tế, trao đổi sinh viên trong khuôn khổ chương trình hoặc hiệp định hợp tác quốc tế của Chính phủ, Đại học Quốc gia Hà Nội hoặc đơn vị. Sinh viên được bảo lưu kết quả học tập. Thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định việc miễn học và chuyển đổi kết quả học tập thay thế cho các môn học thuộc chương trình đào tạo của ngành học tương ứng.

14. Được sử dụng học liệu, thiết bị và phương tiện phục vụ học tập, nghiên cứu khoa học theo quy định; được cấp tài khoản thông tin riêng phục vụ hoạt động học tập.

15. Được phép thôi học vì lý do cá nhân. Trong trường hợp này, sinh viên phải bồi hoàn cho đơn vị đào tạo toàn bộ kinh phí đào tạo từ ngân sách nhà nước trong thời gian theo học.

16. Được trực tiếp hoặc thông qua đại diện hợp pháp của mình đóng góp ý kiến với Thủ trưởng đơn vị đào tạo, các tổ chức và cá nhân liên quan về mục tiêu, chương trình, nội dung và phương pháp giảng dạy; hoặc kiến nghị các giải pháp góp phần xây dựng đơn vị đào tạo. Được đề đạt nguyện vọng và khiếu nại lên Thủ

trưởng đơn vị đào tạo và Thủ trưởng đơn vị phục vụ đào tạo để giải quyết các vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích chính đáng của sinh viên.

17. Sinh viên được xin nghỉ ốm, nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau đây:

a) Được động viên vào lực lượng vũ trang;

b) Bị ốm hoặc bị tai nạn buộc phải điều trị trong thời gian dài có giấy xác nhận của cơ sở y tế;

c) Vì lý do cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở đơn vị đào tạo, không bị buộc thôi học và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 2,00. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian tối đa được phép học.

Sinh viên nghỉ học tạm thời nếu muốn học tiếp phải có đơn đề nghị Thủ trưởng đơn vị đào tạo giải quyết chậm nhất 2 tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới.

18. Được cử đại diện tham gia Hội đồng thi đua, khen thưởng và kỷ luật sinh viên, các hội đồng khác có liên quan đến sinh viên.

19. Được Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội (đối với sinh viên các khoa trực thuộc) hoặc Hiệu trưởng (đối với sinh viên các trường đại học thành viên) cấp Bằng tốt nghiệp khi được công nhận tốt nghiệp.

20. Được xét học tiếp ở các bậc học cao hơn nếu có nguyện vọng và đáp ứng đủ các điều kiện theo Quy chế đào tạo Sau đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội.

21. Được đơn vị đào tạo trả hồ sơ sinh viên, cung cấp các giấy tờ cần thiết, hỗ trợ các thủ tục tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp.

22. Được tham gia các hoạt động của Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên Việt Nam.

Chương VIII

KIỂM TRA, THI VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Điều 42. Đánh giá kết quả môn học

Điểm đánh giá môn học (gọi là điểm môn học) bao gồm: *điểm đánh giá bộ phận* (trung bình của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ trên lớp; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phân thực hành; điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm tiểu luận, bài tập lớn...) và *điểm thi kết thúc môn học*, trong đó điểm thi kết thúc môn học là bắt buộc và có trọng số không dưới 60% điểm của môn học.

Kiểm tra đánh giá thường xuyên là hoạt động của giảng viên sử dụng các kỹ thuật đánh giá khác nhau trong các hình thức tổ chức thực hiện giờ tín chỉ nhằm kiểm tra việc nắm vững kiến thức và rèn luyện kỹ năng đã được xác định trong

mục tiêu của môn học, đồng thời qua đó có được những thông tin phản hồi giúp giảng viên, sinh viên điều chỉnh cách dạy, cách học, thay đổi phương pháp dạy, học cho phù hợp.

Kiểm tra đánh giá định kỳ, giữa kỳ là hoạt động của giảng viên vào những thời điểm đã được quy định trong đề cương môn học, nhằm đánh giá mức độ đạt mục tiêu môn học ở giai đoạn tương ứng của sinh viên.

Phần thực hành của môn học (nếu có) được đánh giá như sau:

a) Thực hành dưới dạng các bài thực nghiệm: lấy điểm trung bình (có hệ số theo quy định của đề cương môn học) của các bài thực nghiệm trong học kỳ, hoặc điểm kiểm tra kết thúc, hoặc lấy điểm trung bình (có trọng số) các điểm nói trên để làm điểm kiểm tra phần thực hành;

b) Thực hành các dạng khác (thực tập, bài tập, xêmina, tiểu luận): sinh viên phải tham dự đầy đủ số giờ thực tập, không ít hơn 80% số giờ bài tập hay xêmina, hoàn tất các yêu cầu đối với thực tập, bài tập, tiểu luận được giao mới được đánh giá là đạt phần thực hành để đủ điều kiện dự thi phần lý thuyết. Giảng viên dạy cụ thể hóa cách đánh giá các môn học thực hành, báo cáo chủ nhiệm bộ môn duyệt.

Bài thi kết thúc môn học có thể thực hiện bằng các hình thức thi viết (trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận với thời gian từ 60 phút đến 180 phút), vấn đáp, làm thực tập hoặc kết hợp các hình thức trên.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá môn học và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc môn học do giảng viên đề xuất, được Chủ nhiệm khoa (hoặc Chủ nhiệm khoa trực thuộc) phê duyệt và phải được quy định trong đề cương môn học.

Đề kiểm tra, đề tài tiểu luận, nội dung bài tập lớn và đề thi kết thúc môn học phải phù hợp với nội dung môn học đã quy định trong đề cương môn học. Đáp án và thang điểm chấm điểm bộ phận, chấm bài thi kết thúc môn học phải được biên soạn cùng với đề kiểm tra, đề tài tiểu luận, nội dung bài tập lớn, đề thi kết thúc môn học. Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định việc sử dụng đề kiểm tra, đề thi do giảng viên đề xuất hoặc lấy từ ngân hàng đề thi.

Điều 43. Tổ chức kiểm tra và thi kết thúc môn học

1. Việc kiểm tra và chấm điểm bộ phận của mỗi môn học do giảng viên dạy lớp môn học đó trực tiếp thực hiện và thông báo kết quả cho sinh viên, chậm nhất một tuần sau ngày kiểm tra hoặc ngày nộp tiểu luận, bài tập lớn.

Sinh viên được dự thi kết thúc môn học ở kỳ thi chính, nếu có đủ điểm đánh giá bộ phận theo quy định của đề cương môn học và đã đóng học phí đầy đủ.

Trong trường hợp sinh viên chưa dự kiểm tra giữa kỳ, kiểm tra thực hành vì có lý do chính đáng được cơ quan có thẩm quyền xác nhận và được Chủ nhiệm khoa (hoặc Chủ nhiệm khoa trực thuộc) đồng ý, giảng viên môn học tổ chức kiểm tra, đánh giá bổ sung cho sinh viên.

Nếu sinh viên không dự kiểm tra giữa kỳ, kiểm tra thực hành mà không có lý do chính đáng thì phải nhận điểm không (0).

2. Đơn vị đào tạo tổ chức thi kết thúc môn học. Đối với môn học có nhiều lớp môn học cùng học trong một học kỳ, kỳ thi kết thúc môn học được tổ chức vào cùng thời gian, với cùng đề thi cho tất cả các lớp môn học đó.

Cuối mỗi học kỳ, đơn vị đào tạo tổ chức một kỳ thi chính và nếu có điều kiện tổ chức thêm một kỳ thi phụ. Đối với mỗi môn học, sinh viên chỉ được dự thi một lần trong cùng một kỳ thi. Kỳ thi phụ chỉ dành cho những sinh viên chưa dự kỳ thi chính vì lý do chính đáng được cơ quan có thẩm quyền xác nhận và được Chủ nhiệm khoa (hoặc Chủ nhiệm khoa trực thuộc) cho phép.

3. Lịch thi của kỳ thi chính phải được thông báo trước ít nhất 1 tháng, lịch thi của kỳ thi phụ phải được thông báo trước ít nhất 1 tuần. Trong kỳ thi, từng môn học được tổ chức thi riêng biệt, không bố trí thi ghép một số môn học trong cùng một buổi thi của một sinh viên.

4. Tổ chức thi kết thúc môn học

a) Chậm nhất một ngày sau khi kết thúc giảng dạy môn học, giảng viên gửi danh sách sinh viên được dự thi, không được dự thi kết thúc môn học (có nêu rõ lý do) về phòng Đào tạo. Căn cứ đề nghị của giảng viên và nghĩa vụ khác của sinh viên, phòng Đào tạo lập danh sách sinh viên đủ điều kiện dự thi và phân phòng thi;

b) Đối với hình thức thi tự luận, trắc nghiệm

- Đối với phòng thi dưới 25 sinh viên bố trí 1 cán bộ coi thi, trên 25 sinh viên bố trí ít nhất 2 cán bộ coi thi;

- Cán bộ coi thi phải có mặt tại phòng thi và tuyệt đối không làm việc riêng trong lúc đang coi thi;

- Không cho sinh viên ra khỏi phòng thi trong lúc đang thi, trừ trường hợp đặc biệt. Kịp thời lập biên bản xử lý kỷ luật theo đúng quy định đối với những sinh viên vi phạm kỷ luật thi;

- Khi nhận bài thi, cán bộ coi thi phải đếm đủ số tờ giấy thi của sinh viên đã ghi, yêu cầu sinh viên ghi đúng số tờ giấy thi và ký tên vào bản danh sách thi, tuyệt đối không để sinh viên ký trước khi nộp bài. Cán bộ coi thi tuyệt đối không được để nhầm lẫn, mất bài thi, tráo đổi bài thi, viết thêm vào bài thi hoặc nộp thêm bài thi. Các biên bản xử lý kỷ luật sinh viên vi phạm quy chế, giấy xin phép nghỉ thi của sinh viên... phải nộp kèm theo bài thi cho phòng Đào tạo.

c) Đối với hình thức thi vấn đáp

- Mỗi môn thi phải có một bộ đề thi gồm nhiều đề thi tương đương về nội dung kiến thức;

- Mỗi phòng thi, ngoài giảng viên hỏi thi, phải có ít nhất 1 cán bộ coi thi có nhiệm vụ gọi sinh viên vào thi, kiểm tra thẻ sinh viên và cho sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên đề thi.

5. Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định cụ thể quy trình chấm thi.
6. Các môn học kỹ năng mềm được tổ chức thi và cấp chứng chỉ tại đơn vị phụ trách đào tạo kỹ năng mềm.
7. Quy trình thực hiện và quản lý các điểm bộ phận, điểm thi kết thúc môn học và điểm môn học do Thủ trưởng đơn vị đào tạo qui định.
8. Đề thi, đáp án và tất cả các bài thi kết thúc môn học sau khi chấm xong phải được bảo quản và lưu trữ tại phòng Đào tạo ít nhất hai năm kể từ ngày thi. Khi hết hạn lưu trữ, Thủ trưởng đơn vị đào tạo thành lập Hội đồng xét hủy. Bảng điểm bộ phận, danh sách thi kết thúc môn học và bảng tổng hợp điểm của môn học (kèm theo file điện tử) là tài liệu lưu trữ vĩnh viễn của đơn vị đào tạo.
9. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi kết thúc môn học, nếu không có lý do chính đáng coi như bỏ thi và phải nhận điểm 0 (không). Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng trong buổi thi kết thúc môn học được thi bổ sung vào kỳ thi phụ như qui định tại khoản 2, Điều 43 của Quy chế này.

Điều 44. Chấm khoá luận, đồ án tốt nghiệp

1. Thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định thành lập Hội đồng chấm khoá luận hoặc đồ án tốt nghiệp gồm ít nhất 3 thành viên do Chủ nhiệm khoa hoặc Chủ nhiệm bộ môn (đối với Khoa trực thuộc) đề nghị.
2. Khoá luận, đồ án tốt nghiệp được chấm theo thang điểm 10, có lẽ đến một chữ số thập phân và được quy đổi sang điểm chữ theo quy định tại khoản 2, Điều 46 của Quy chế này. Điểm khoá luận, đồ án tốt nghiệp được thông báo công khai chậm nhất là một tuần sau khi các Hội đồng chấm khoá luận, đồ án tốt nghiệp hoàn thành nhiệm vụ.
3. Điểm khoá luận, đồ án tốt nghiệp hoặc điểm các môn học thay thế được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học.
4. Sinh viên có khoá luận hoặc đồ án tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại khoá luận, đồ án tốt nghiệp hoặc phải đăng ký học các môn học thay thế theo quy định.

Điều 45. Kỷ luật đối với cán bộ coi thi, tổ chức thi và chấm thi

Người tham gia công tác coi thi, tổ chức thi và chấm thi vi phạm quy định (bị phát hiện trong khi làm nhiệm vụ hoặc sau khi kỳ thi đã kết thúc), tùy theo mức độ sẽ bị kiểm điểm và thi hành kỷ luật theo các hình thức sau:

1. Khiển trách: áp dụng đối với những người vi phạm một trong các lỗi sau: đến chậm giờ quy định, không ký vào giấy thi, giấy nháp của sinh viên, không tập trung khi coi thi, bỏ 1 buổi coi thi không có lý do chính đáng; để sinh viên sao chép tài liệu của người khác mà không trích dẫn trong khoá luận, đồ án tốt nghiệp nhưng vẫn trình hội đồng chấm khoá luận, đồ án tốt nghiệp.
2. Cảnh cáo: áp dụng đối với những người vi phạm một trong các lỗi:
 - Bỏ 2 buổi coi thi trở lên không có lý do chính đáng trong một năm học;

- Trong giờ coi thi bỏ đi làm việc khác;
- Để sinh viên quay cóp, mang và sử dụng tài liệu trái phép trong khi thi;
- Không lập biên bản những sinh viên đã bị phát hiện có vi phạm quy chế;
- Làm mất bài thi trong khi thu bài, di chuyển bài hoặc chấm bài;
- Chấm thi hay cộng điểm bài thi có sai sót nhiều.
- Lập lại việc để sinh viên sao chép tài liệu của người khác mà không trích dẫn trong khóa luận, đề án tốt nghiệp nhưng vẫn trình hội đồng chấm khóa luận, đề án tốt nghiệp.

3. Hạ tầng công tác hoặc buộc thôi việc: áp dụng đối với những người vi phạm một trong các lỗi sau:

- Làm lộ đề thi;
- Đưa đề thi ra ngoài, đưa bài giải từ ngoài vào phòng thi hoặc giúp sinh viên làm bài thi trong lúc đang thi;
- Làm lộ phách;
- Gian lận trong khi chấm thi. Cho điểm không đúng quy định, chủ định tăng hoặc hạ điểm của bài thi so với đáp án;
- Sửa chữa, thêm bớt vào bài làm của sinh viên để tăng hay hạ điểm;
- Sửa chữa làm sai lệch điểm trên bài thi, biên bản chấm thi hoặc sổ điểm;
- Đánh tráo bài thi hoặc điểm thi của sinh viên;
- Vi phạm lần thứ ba để sinh viên sao chép tài liệu của người khác mà không trích dẫn trong khóa luận, đề án tốt nghiệp nhưng vẫn trình hội đồng chấm khóa luận, đề án tốt nghiệp;
- Cán bộ hướng dẫn không quản lý được các hành vi sao chép tài liệu của sinh viên khi thực hiện tiểu luận, khóa luận, đề án tốt nghiệp và nghiên cứu khoa học bị kỷ luật từ mức khiển trách đến buộc thôi việc.

Điều 46. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm môn học

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), có lẻ đến một chữ số thập phân.

2. Điểm môn học là tổng của điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc môn học sau khi đã tính trọng số được quy định trong đề cương môn học và được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

a) Loại đạt:	9,0 – 10	tương ứng với	A ⁺
	8,5 – 8,9	tương ứng với	A
	8,0 – 8,4	tương ứng với	B ⁺
	7,0 – 7,9	tương ứng với	B
	6,5 – 6,9	tương ứng với	C ⁺

5,5 – 6,4	tương ứng với	C
5,0 – 5,4	tương ứng với	D ⁺
4,0 – 4,9	tương ứng với	D

b) Loại không đạt: Dưới 4,0 tương ứng với F

c) Đối với những môn học chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các ký hiệu sau:

I - Chưa đủ điểm đánh giá bộ phận

X - Chưa nhận được kết quả thi kết thúc môn học

d) Đối với những môn học được Thủ trưởng đơn vị đào tạo cho phép chuyển điểm hoặc được đánh giá đầu học kỳ (nếu có), khi xếp mức đánh giá sử dụng ký hiệu R viết sau điểm môn học.

3. Việc xếp loại các mức điểm A⁺, A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Những môn học mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0 (không);

b) Chuyển đổi từ mức đánh giá I, sau khi đã có các kết quả điểm đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên cho phép nợ;

c) Chuyển đổi từ mức đánh giá X, sau khi nhận được kết quả thi kết thúc môn học.

4. Việc xếp loại ở mức điểm F, ngoài những trường hợp như đã quy định tại khoản 2, Điều 46 của Quy chế này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm F.

5. Việc xếp loại theo mức đánh giá I được áp dụng cho các trường hợp:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc môn học, sinh viên bị ốm hoặc bị tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi được Thủ trưởng đơn vị đào tạo cho phép;

b) Sinh viên không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì lý do khách quan và được Thủ trưởng đơn vị đào tạo chấp thuận.

Trừ các trường hợp đặc biệt do Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định, trong học kỳ kế tiếp, sinh viên nhận mức đánh giá I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp sinh viên chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

6. Việc xếp loại theo mức đánh giá X được áp dụng đối với những môn học mà phòng Đào tạo chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên từ giảng viên phụ trách môn học.

Điều 47. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau mỗi học kỳ chính theo các tiêu chí sau:

1. Khối lượng kiến thức học tập là tổng số tín chỉ của những môn học (không tính môn học tự chọn tự do) mà sinh viên đã đăng ký học trong học kỳ.

2. Khối lượng kiến thức tích lũy là tổng số tín chỉ của những môn học đã được đánh giá loại đạt tính từ đầu khóa học.

3. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các môn học mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó (bao gồm cả các môn được đánh giá loại đạt và không đạt).

4. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các môn học đã được đánh giá loại đạt mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xem xét.

Điều 48. Cách tính điểm trung bình chung

1. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi môn học phải được quy đổi qua điểm số như sau:

A ⁺	tương ứng với	4,0
A	tương ứng với	3,7
B ⁺	tương ứng với	3,5
B	tương ứng với	3,0
C ⁺	tương ứng với	2,5
C	tương ứng với	2,0
D ⁺	tương ứng với	1,5
D	tương ứng với	1,0
F	tương ứng với	0

2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

trong đó:

A: là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

i: là số thứ tự môn học

a_i : là điểm của môn học thứ i

n_i : là số tín chỉ của môn học thứ i

n : là tổng số môn học trong học kỳ hoặc tổng số môn học đã tích lũy.

Kết quả đánh giá môn học giáo dục quốc phòng-an ninh, giáo dục thể chất, kỹ năng mềm không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.

Điểm trung bình chung học kỳ được dùng để xét buộc thôi học, nghỉ học tạm thời, đăng ký học bằng kép, học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ.

Điểm trung bình chung tích lũy được dùng để xét buộc thôi học, xếp loại học lực, xếp hạng tốt nghiệp.

Điều 49. Xử lý học vụ

Sau mỗi học kỳ chính, đơn vị đào tạo thực hiện xử lý học vụ. Kết quả học tập của học kỳ phụ sẽ được tính vào kết quả học tập của học kỳ chính tiếp theo.

1. Cảnh báo học vụ

Đầu mỗi học kỳ, đơn vị đào tạo cảnh báo đối với những sinh viên có điểm trung bình chung học kỳ đạt từ 0,80 đến dưới 0,85 đối với học kỳ đầu của khóa học; đạt từ 1,00 đến dưới 1,10 đối với các học kỳ tiếp theo hoặc đạt từ 1,10 đến dưới 1,20 đối với 2 học kỳ liên tiếp.

2. Thôi học

Sinh viên được thôi học nếu có đơn xin thôi học và được Thủ trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định đồng ý.

3. Buộc thôi học

Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học; đạt dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo hoặc đạt dưới 1,10 đối với 2 học kỳ liên tiếp;

b) Có điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên năm thứ nhất; dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai; dưới 1,60 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khóa;

c) Vượt quá thời gian tối đa được phép học quy định tại khoản 2, Điều 24 của Quy chế này;

d) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại mục d, khoản 10, Điều 40 của Quy chế này hoặc bị kỷ luật ở mức xóa tên khỏi danh sách sinh viên của trường.

Chậm nhất 1 tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, đơn vị đào tạo phải thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú.

Điều 50. Xếp loại học lực

1. Loại học lực là căn cứ để xác định khối lượng học tập sinh viên được đăng ký trong học kỳ kế tiếp. Trường hợp loại học lực của sinh viên được xác định vào thời điểm sau khi sinh viên đã đăng ký môn học, sinh viên phải rút bớt môn học trong giới hạn khối lượng quy định.

2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, học lực của sinh viên được xếp thành các loại sau:

- a) Xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;
- b) Giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;
- c) Khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;
- d) Trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49;
- e) Yếu: Điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00 nhưng chưa thuộc trường hợp bị buộc thôi học.

Chương IX

XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 51. Điều kiện tốt nghiệp

1. Sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo quy định tại khoản 1, khoản 2 và mục a, khoản 3, Điều 6 của Quy chế này được xét công nhận tốt nghiệp nếu có đủ các điều kiện sau:

- a) Trong thời gian học tập tối đa của khóa học;
- b) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- c) Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo;
- d) Điểm trung bình chung tích lũy của khóa học đạt từ 2,00 trở lên. Riêng đối với chương trình đào tạo chất lượng cao, tài năng và đạt chuẩn quốc tế, điểm trung bình chung tích lũy của khóa học phải đạt từ 2,50 trở lên;
- e) Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ quy định tại khoản 4, Điều 11 của Quy chế này; có chứng chỉ về kỹ năng giao tiếp bằng công nghệ thông tin và tối thiểu 5 kỹ năng mềm khác. Những quy định này áp dụng ngay đối với các chương trình đào tạo chất lượng cao, tài năng, đạt chuẩn quốc tế và sau một năm kể từ khi Quy chế này có hiệu lực đối với tất cả các chương trình đào tạo;
- f) Thỏa mãn những yêu cầu về kết quả học tập đối với một số môn học chuyên môn đặc thù mà Đại học Quốc gia Hà Nội và đơn vị đào tạo có quy định bằng văn bản;

g) Được đánh giá đạt các môn học giáo dục quốc phòng - an ninh, giáo dục thể chất.

2. Sinh viên không đủ điều kiện tốt nghiệp chương trình đào tạo chất lượng cao, tài năng được xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân chương trình đào tạo chuẩn theo hình thức đào tạo chính quy.

3. Sinh viên không đủ điều kiện tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận điểm các môn học trong chương trình đào tạo đã tích lũy.

Điều 52. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học

1. Định kỳ mỗi năm 4 lần (tháng 3, tháng 6, tháng 9 và tháng 12), Thủ trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp cho sinh viên đã hoàn thành chương trình đào tạo của đơn vị mình. Hội đồng xét tốt nghiệp có Thủ trưởng hoặc cấp phó của Thủ trưởng đơn vị đào tạo làm Chủ tịch, đại diện lãnh đạo phòng Đào tạo làm ủy viên thư ký và một số ủy viên khác. Trên cơ sở đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng trường đại học thành viên ra quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học cho sinh viên đào tạo tại trường mình, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ra quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học cho sinh viên đào tạo tại Khoa trực thuộc theo đề nghị của Chủ nhiệm khoa.

2. Bằng tốt nghiệp đại học được cấp theo ngành học, trong bằng có ghi rõ tên ngành học, hình thức đào tạo, hạng tốt nghiệp và kèm theo ảnh của người được cấp bằng có đóng dấu nổi.

Bản chính bằng tốt nghiệp chỉ cấp một lần, không cấp lại.

Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học, cụ thể như sau:

- a) Xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;
- b) Giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;
- c) Khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;
- d) Trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

3. Hạng tốt nghiệp cho sinh viên học văn bằng thứ hai hoặc bằng kép được xét dựa theo kết quả học tập các môn học được bảo lưu của chương trình đào tạo thứ nhất và kết quả học tập được tích lũy trong thời gian học chương trình đào tạo thứ hai.

4. Đối với những sinh viên có kết quả học tập toàn khóa đạt hạng xuất sắc hoặc giỏi, hạng tốt nghiệp sẽ bị hạ một hạng nếu sinh viên bị kỷ luật trong thời gian học từ mức cảnh cáo trở lên.

5. Bảng điểm cấp kèm theo bằng tốt nghiệp được quy định thống nhất trong toàn Đại học Quốc gia Hà Nội về hình thức và nội dung, trong đó điểm đánh giá của từng môn học ghi theo mức điểm chữ, bao gồm cả kết quả các môn học tự

chọn tự do. Trên cơ sở bảng điểm bằng tiếng Việt, đơn vị đào tạo lập và cấp bằng điểm bằng tiếng nước ngoài cho sinh viên.

6. Đơn vị đào tạo công bố công khai toàn bộ thông tin về cấp văn bằng trên trang thông tin điện tử của đơn vị và chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo, giá trị văn bằng do đơn vị cấp.

7. Sinh viên chưa hoàn thành môn học giáo dục quốc phòng - an ninh, môn học giáo dục thể chất, nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về đơn vị đào tạo học lại để có đủ điều kiện tốt nghiệp.

Điều 53. Quyền hạn cấp bằng đại học

1. Đại học Quốc gia Hà Nội thực hiện in, quản lý, cấp phát phôi bằng đại học cho các đơn vị đào tạo.

2. Căn cứ vào quyết định công nhận tốt nghiệp, Hiệu trưởng trường đại học thành viên ký và đóng dấu của trường vào bằng tốt nghiệp đại học cho những người được đào tạo ở trường mình.

3. Căn cứ vào quyết định công nhận tốt nghiệp, Chủ nhiệm khoa trực thuộc ký (không đóng dấu của khoa) trình Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ký và đóng dấu Đại học Quốc gia Hà Nội vào bằng tốt nghiệp đại học cho những người được đào tạo ở khoa trực thuộc đó.

4. Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quy định thẩm quyền cấp bằng tốt nghiệp đại học cho các chương trình đào tạo đặc biệt.

Chương X

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ CÔNG KHAI ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

Điều 54. Kiểm định chất lượng giáo dục

1. Mục tiêu cơ bản của kiểm định chất lượng giáo dục là phát hiện, đánh giá những điểm mạnh, điểm tồn tại của các chương trình đào tạo hoặc của các đơn vị đào tạo để đưa ra những giải pháp phù hợp nhằm phát huy những điểm mạnh, khắc phục những tồn tại, nâng cao chất lượng và hiệu quả các lĩnh vực hoạt động.

2. Phạm vi, đối tượng và phân cấp trách nhiệm kiểm định chất lượng chương trình đào tạo được áp dụng như sau:

a) Các chương trình đào tạo chất lượng cao, tài năng, chuẩn quốc tế do Hội đồng kiểm định chất lượng Đại học Quốc gia Hà Nội kiểm định. Căn cứ kết luận của Hội đồng kiểm định chất lượng, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ra quyết định công nhận và cấp chứng chỉ kiểm định chất lượng cho chương trình đào tạo đạt kết quả kiểm định chất lượng;

b) Các chương trình đào tạo chuẩn do đơn vị đào tạo tổ chức đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội. Sau đó được Đoàn đánh giá ngoài đánh giá. Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục tổ chức thẩm định báo cáo tự đánh giá, báo cáo đánh giá ngoài và thông qua kết luận về kết quả kiểm định chất lượng. Căn cứ kết luận của viện Đảm bảo chất lượng giáo dục, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội xem xét, quyết định công nhận và cấp chứng chỉ Kiểm định chất lượng;

c) Các chương trình đào tạo liên kết quốc tế do đối tác nước ngoài cấp bằng được tổ chức thẩm định văn bản kiểm định chất lượng theo quy định tại khoản 3, Điều 13 của Quy chế này. Riêng các chương trình đào tạo liên kết quốc tế do đối tác nước ngoài và Đại học Quốc gia Hà Nội cùng cấp bằng phải được kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Đại học Quốc gia Hà Nội;

d) Thủ trưởng đơn vị đào tạo đề nghị và viện Đảm bảo chất lượng giáo dục đề xuất lựa chọn các chương trình đào tạo đăng ký kiểm định chất lượng quốc tế. Việc tham gia kiểm định chất lượng quốc tế phải được Thường trực Hội đồng kiểm định chất lượng Đại học Quốc gia Hà Nội thông qua.

3. Chương trình đào tạo được đăng ký kiểm định chất lượng phải có ít nhất một khóa tốt nghiệp và còn đang được tiếp tục tổ chức đào tạo ở đơn vị.

4. Các chương trình được cấp Chứng chỉ kiểm định chất lượng được ưu tiên trong phê duyệt đào tạo bằng kép, phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh, phân bổ kinh phí khuyến khích nâng cao chất lượng và thực hiện lộ trình tăng học phí phù hợp.

5. Các đơn vị có chương trình đào tạo được cấp chứng chỉ kiểm định chất lượng có trách nhiệm đảm bảo chất lượng trong thời hạn có giá trị của Chứng chỉ kiểm định chất lượng; đồng thời thực hiện các kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng Đại học Quốc gia Hà Nội và viện Đảm bảo chất lượng giáo dục khắc phục những tồn tại (nếu có), tiếp tục nâng cao chất lượng. Nếu không đảm bảo chất lượng so với kết quả được công nhận thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị khiển trách, cảnh cáo hoặc thu hồi Chứng chỉ kiểm định chất lượng.

Điều 55. Công khai chất lượng và điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

1. Thủ trưởng đơn vị đào tạo có trách nhiệm thực hiện công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu chi tài chính để người học, các thành viên của đơn vị và xã hội tham gia giám sát, đánh giá đơn vị đào tạo theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung công khai

a) Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

- Cam kết chất lượng giáo dục: điều kiện về đối tượng tuyển sinh, chương trình đào tạo, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của người học, điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý của đơn vị đào tạo; mục tiêu đào tạo, kiến thức, kỹ năng, yêu cầu về thái độ học tập của người học, trình độ ngoại ngữ và vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ và theo các ngành học;

- Chất lượng giáo dục thực tế:

+ Số lượng sinh viên ở các hình thức đào tạo và các ngành học; số lượng sinh viên theo kết quả tốt nghiệp, theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương, doanh nghiệp; tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm và học lên trình độ cao hơn sau 1 năm tốt nghiệp;

+ Các môn học của một chương trình đào tạo: công khai về giảng viên giảng dạy và giảng viên hướng dẫn (nếu có), mục đích môn học, nội dung và lịch trình giảng dạy, tài liệu tham khảo, phương pháp đánh giá sinh viên;

+ Giáo trình, tài liệu tham khảo do đơn vị đào tạo tổ chức biên soạn: công khai tên các giáo trình (kể cả giáo trình điện tử), tài liệu tham khảo, năm xuất bản, kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo của các chuyên ngành;

+ Khóa luận, đồ án tốt nghiệp của sinh viên: công khai tên đề tài, họ và tên người thực hiện và người hướng dẫn, nội dung tóm tắt;

+ Hoạt động đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp: các đơn vị đặt hàng đào tạo, số lượng, thời gian, ngành nghề, trình độ và kết quả đào tạo;

+ Các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn: tên các dự án hoặc tên nhiệm vụ khoa học công nghệ, người chủ trì và các thành viên tham gia, đối tác trong nước và quốc tế, thời gian và kinh phí thực hiện, tóm tắt sản phẩm của dự án hoặc nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng thực tiễn;

+ Hội nghị, hội thảo khoa học do đơn vị đào tạo tổ chức: tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học, thời gian và địa điểm tổ chức, số lượng đại biểu tham dự;

+ Kiểm định đơn vị đào tạo và chương trình đào tạo: kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá, báo cáo đánh giá ngoài và công nhận đạt hay không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

b) Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

- Cơ sở vật chất: số lượng và diện tích giảng đường, phòng học, phòng chuyên môn, xưởng thực tập, ký túc xá và khu thể thao, các loại thiết bị đào tạo và thí nghiệm được sử dụng;

- Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

+ Số lượng, chức danh theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo;

+ Sơ lược lý lịch của giảng viên: họ và tên (kèm theo ảnh), tuổi đời, thâm niên giảng dạy, chức danh, trình độ chuyên môn, công trình khoa học, kinh nghiệm giảng dạy và nghiên cứu, hoạt động nghiên cứu trong nước và quốc tế, các bài báo đăng tải trong nước và quốc tế; thông tin về họ và tên học viên, nghiên cứu sinh mà giảng viên đã hướng dẫn bảo vệ thành công trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, tóm tắt đề tài nghiên cứu, thời gian thực hiện;

+ Số lượng giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

c) Công khai thu chi tài chính

- Mức thu học phí và các khoản thu khác cho một tín chỉ hoặc cho từng năm học và dự kiến cho toàn bộ khóa học;

- Các nguồn thu từ các hợp đồng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất, tư vấn và các nguồn thu hợp pháp khác;

- Kế hoạch phân bổ sử dụng nguồn thu học phí, trong đó có phần trích để tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng;

- Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong mỗi năm học (số lượng học bổng và tổng số tiền tương ứng, tổng số tiền học bổng ngoài ngân sách nhà nước).

3. Việc thực hiện công khai của các đơn vị đào tạo phải đảm bảo đầy đủ về cả nội dung, hình thức và thời điểm công khai.

Thông tin được công khai tại các đơn vị đào tạo và trên các trang web phải chính xác, kịp thời và dễ dàng tiếp cận, đảm bảo đầy đủ và cập nhật thông tin mới. Ngoài ra, các đơn vị đào tạo phải có đầy đủ các tài liệu in về các nội dung liên quan đến chức năng hoạt động, nhiệm vụ của đơn vị phục vụ nhu cầu nghiên cứu của sinh viên, giảng viên và những người quan tâm.

Đối với sinh viên tuyển mới, thông tin về nội dung công khai được phổ biến vào thời điểm đơn vị đào tạo triển khai công tác tuyển sinh.

Đối với sinh viên đang học tại đơn vị đào tạo, thông tin về nội dung công khai được in và phát cho sinh viên vào thời điểm đầu năm học mới.

Điều 56. Tổ chức lấy ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy

1. Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục chủ trì phối hợp với các đơn vị đào tạo thiết kế nội dung, công cụ đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên một cách đầy đủ, khách quan để lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên. Phương pháp và quy trình lấy ý kiến sinh viên phải đảm bảo truyền thống tôn sư trọng đạo và những giá trị đạo đức, văn hóa tốt đẹp của dân tộc; kết quả xử lý thông tin phản hồi từ sinh viên phải chính xác, tin cậy.

2. Hàng năm, đơn vị đào tạo tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên để tạo thêm kênh thông tin giúp giảng viên điều chỉnh nội dung và phương pháp giảng dạy; nâng cao tinh thần trách nhiệm của giảng viên trong việc thực hiện mục tiêu đào tạo; tăng cường tinh thần trách nhiệm của người học.

3. Đơn vị đào tạo phải công khai các yêu cầu đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên để sinh viên có cơ sở cung cấp thông tin phản hồi.

4. Sinh viên phải khách quan, công bằng, trung thực và có thái độ đúng mực khi cung cấp thông tin phản hồi.

5. Giảng viên phải tôn trọng, có tinh thần cầu thị trước kết quả xử lý thông tin phản hồi từ sinh viên.

6. Thủ trưởng đơn vị đào tạo quản lý và quyết định đối tượng (giảng viên trực tiếp giảng dạy môn học, chủ nhiệm bộ môn, chủ nhiệm khoa, ...) được cung cấp ý kiến phản hồi từ sinh viên.

Chương XI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 57. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng cho các khóa học từ QH 2010 trở đi. Những quy định trước đây trái với Quy chế này đều bãi bỏ.

2. Các đơn vị đào tạo thực hiện đúng Quy chế này một cách hệ thống, toàn diện, không vận dụng riêng lẻ các quy định của Quy chế. Căn cứ Quy chế này, các đơn vị đào tạo có thể ban hành các quy định chi tiết cho phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị, nhưng không được trái với Quy chế này.

3. Các đơn vị đào tạo có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế đào tạo ở đơn vị. Đại học Quốc gia Hà Nội thực hiện thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy chế đào tạo của các đơn vị đào tạo.

4. Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội có thể quyết định điều chỉnh một số quy định mang tính cụ thể, định lượng cho phù hợp với tình hình thực tế để tạm thời áp dụng nhưng phải báo cáo Hội đồng Đại học Quốc gia Hà Nội tại phiên họp gần nhất để xem xét sửa đổi chính thức./.

GIÁM ĐỐC

(đã ký)

GS. TS. Mai Trọng Nhuận